

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU  
Số: 1497 /CV-VP HĐQT.23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

Mã chứng khoán: **ACB**

Trụ sở chính : 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-28) 3929 0999

Fax : (84-28) 3839 9885

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đàm Văn Tuấn

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-28) 3929 0999

Fax : (84-28) 3839 9885

Loại thông tin công bố: ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☒ Bất thường ☐ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 13/4/2023, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tại Khách sạn Sheraton Sài Gòn, số 88 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Biên bản họp và nghị quyết đã được đăng tải trên website của Ngân hàng tại đường dẫn <http://acb.com.vn/vn/about/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin> từ 14/4/2023.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP HĐQT, P TH.



**Đàm Văn Tuấn**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Thực hiện theo Phụ lục II (Ban hành kèm theo Quyết định số 515/QĐ-UBCK ngày 25/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Quy trình thực hiện công bố thông tin trên công thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN cho các đối tượng tham gia thị trường chứng khoán.)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

## BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU NĂM 2023

### I. TỔNG QUÁT

#### 1. Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp:

- Tên: Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).
- Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Mã số doanh nghiệp: 0301452948.

#### 2. Thời gian: Từ 8 giờ 44 phút, thứ Năm ngày 13 tháng 4 năm 2023.

#### 3. Địa điểm: Khách sạn Sheraton Sài Gòn, 88 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

#### 4. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

##### 4.1 Căn cứ kết quả báo cáo của Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội vào lúc 8 giờ 41 phút, tổng số cổ đông dự họp và được ủy quyền dự họp là 445 cổ đông, đại diện 2.221.518.463 cổ phần, tương ứng 65,78% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 33 Điều lệ ACB, Đại hội đồng cổ đông thường niên ACB đủ điều kiện để tiến hành họp và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành.

##### 4.2 Khách mời:

Đại diện của các cơ quan chức năng:

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TP. HCM;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM;
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, chi nhánh tại TP. HCM;
- Công ty TNHH KPMG (Việt Nam).

#### 5. Chủ tọa đoàn:

- Ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), Chủ tọa;
- Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp, Trưởng Ban kiểm soát (BKS);
- Ông Từ Tiến Phát, Tổng giám đốc.

#### 6. Các thành viên HĐQT và BKS:

- Thành viên HĐQT tham dự trực tiếp: Ông Nguyễn Thành Long, ông Đàm Văn Tuấn. Thành viên HĐQT tham dự bằng hình thức trực tuyến: Bà Đặng Thu Thủy,

ông Hiep Van Vo.

– Thành viên BKS: Bà Nguyễn Thị Minh Lan, bà Hoàng Ngân.

7. Ông Lê Thanh Hải, Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông, đọc Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông và báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông, thông báo số lượng cổ đông tham gia hoặc được ủy quyền tham gia, số cổ phần đại diện, tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết, xác định Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 có đủ điều kiện tiến hành và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành.
8. Ông Trần Hùng Huy, Chủ tọa Đại hội, phát biểu khai mạc.
9. Chủ tọa đoàn chỉ định Ban thư ký Đại hội: Bà Phan Lạc Kim Trinh, Thư ký công ty.
10. Ông Đàm Văn Tuấn, Thành viên HĐQT, thừa ủy nhiệm của Chủ tọa đoàn, giới thiệu chương trình Đại hội.
11. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chương trình họp Đại hội bằng hình thức giơ tay với tỷ lệ tán thành 100%; không tán thành 0%; và không có ý kiến 0%.
12. Ông Đàm Văn Tuấn, thừa ủy nhiệm Chủ tọa, đề cử thành phần Ban kiểm phiếu, gồm ông Nguyễn Hồng Tản (Trưởng Phòng Pháp chế) làm Trưởng Ban và các thành viên là ông Nguyễn Trung Nghĩa (Trưởng Phòng Tuân thủ) và ông Huỳnh Văn Sơn (Chuyên viên Văn phòng HĐQT.)
13. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thành phần Ban kiểm phiếu bằng hình thức giơ tay với tỷ lệ tán thành 100%; không tán thành 0%; và không có ý kiến 0%.

## II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

### 1. Đọc các quy chế và tờ trình.

- 1.1 Tờ trình Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
- 1.2 Tờ trình về số lượng thành viên HĐQT và BKS Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- 1.3 Tờ trình về Quy chế bầu thành viên HĐQT và BKS Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2023 – 2028;

### 2. Bỏ phiếu biểu quyết 03 vấn đề tại Mục II.1.

Trưởng Ban kiểm phiếu phổ biến nguyên tắc và thể lệ biểu quyết các vấn đề tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết các vấn đề bằng tờ biểu quyết.

### 3. Đọc các tờ trình về việc bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028.

- 3.1 Tờ trình về việc bầu thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- 3.2 Tờ trình về việc bầu thành viên BKS Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2023 – 2028.

### 4. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết 03 vấn đề tại Mục II.1.

Kết quả: Đại hội đồng cổ đông thông qua 03 vấn đề tại Mục II.1 (Đính kèm Biên bản kiểm phiếu về 03 vấn đề.)

**5. Bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.**

**6. Đọc các báo cáo và tờ trình khác.**

- 6.1 Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023;
- 6.2 Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2022;
- 6.3 Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022;
- 6.4 Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2022, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2023;
- 6.5 Tờ trình về phương án tăng mức vốn điều lệ từ cổ tức năm 2022 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
- 6.6 Tờ trình về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023;
- 6.7 Tờ trình về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- 6.8 Tờ trình về việc bổ sung nội dung về quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tại Điều lệ.

**7. Đại hội thảo luận các vấn đề tại Mục II.6**

- Cổ đông nêu ý kiến và đặt câu hỏi về các nội dung liên quan đến kết quả kinh doanh năm 2022; kế hoạch hoạt động năm 2023 và định hướng chiến lược kinh doanh của ACB trong các năm tới. Cụ thể như sau:
  - Tình hình kinh doanh của ACB cập nhật đến quý 1/2023; các kịch bản tăng trưởng gắn với chỉ tiêu lợi nhuận năm 2023 và đánh giá tác động của các yếu tố vĩ mô đến khả năng hoàn thành kế hoạch năm 2023.
  - Tình hình thanh khoản và danh mục đầu tư trái phiếu tại ACB.
  - Tỷ lệ cho vay bất động sản và kế hoạch kiểm soát nợ xấu.
  - Định hướng phát triển kinh doanh mảng khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân trong năm 2023.
  - Chiến lược kinh doanh của ACB trong 03 năm tới, những điểm trọng yếu trong chiến lược phát triển ngân hàng số, kế hoạch kinh doanh trong mảng phái sinh giá cả hàng hóa và ngân hàng giám sát trong thời gian tới.
  - Định hướng về việc chuyển nhượng một phần vốn tại Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS.)
  - Đề nghị chi trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông hoàn toàn bằng cổ phiếu.
- Chủ tọa đoàn đã trả lời đầy đủ câu hỏi của cổ đông và ghi nhận ý kiến của cổ đông.

**8. Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông cập nhật số lượng cổ đông tham dự Đại hội.**

Vào lúc 10 giờ 53 phút, tổng số cổ đông dự họp và được ủy quyền dự họp là: 648 cổ đông, đại diện cho 2.469.908.969 cổ phần, tương ứng 73,13% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**9. Cổ đông biểu quyết 08 vấn đề tại Mục II.6 bằng tờ biểu quyết.**

**10. Phát biểu của ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

**11. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu thành viên HĐQT và BKS; và kết quả biểu quyết 08 vấn đề.**

*(Đính kèm Biên bản kiểm phiếu về việc bầu thành viên HĐQT và BKS; và Biên bản kiểm phiếu về 08 vấn đề tại Mục II.6.)*

**12. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên năm 2023**

**12.1 Thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)**

**12.2 Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2023 – 2028 như sau:**

- Số lượng thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 là chín (09) thành viên, trong đó có một (01) thành viên độc lập;
- Số lượng thành viên được bầu vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 là ba (03) thành viên, cả ba (03) đều là thành viên chuyên trách.

**12.3 Thông qua Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2023 – 2028. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)**

**12.4 Bầu các ông/bà có tên sau đây làm thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2023 – 2028:**

1. Ông Trần Hùng Huy (CCCD số 079078004267)
2. Ông Nguyễn Thành Long (CCCD số 079051002164)
3. Ông Hiep Van Vo (Hộ chiếu số 683385889)
4. Bà Đinh Thị Hoa (CCCD số 001161034198)
5. Bà Đặng Thu Thủy (CCCD số 079155006666)
6. Ông Đàm Văn Tuấn (CCCD số 022051003197)
7. Ông Đỗ Minh Toàn (CCCD số 054071000015)
8. Ông Nguyễn Văn Hòa (CCCD số 048069001453)
9. Ông Trịnh Bảo Quốc (Hộ chiếu số 530608639), thành viên độc lập.

**12.5 Bầu các ông/bà có tên sau đây làm thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2023 – 2028:**

1. Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp (CCCD số 079053010399), thành viên chuyên trách

2. Bà Nguyễn Thị Minh Lan (CCCD số 026165001958), thành viên chuyên trách
  3. Bà Hoàng Ngân (CCCD số 079154010706), thành viên chuyên trách.
- 12.6 Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022, và định hướng hoạt động năm 2023 với các chỉ tiêu tài chính tín dụng (hợp nhất) trọng yếu như sau:
- Tổng tài sản tăng 10%, ước đạt 668.788 tỷ đồng;
  - Huy động vốn (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) tăng 8,1%, ước đạt 495.411 tỷ đồng;
  - Dư nợ cho vay tăng 9,7%, ước đạt 453.836 tỷ đồng;
  - Lợi nhuận trước thuế tăng 17,2%, ước đạt 20.058 tỷ đồng;
  - Tỷ lệ nợ xấu (N3 – N5) dưới 2%.
- 12.7 Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 của Ngân hàng TMCP Á Châu. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- 12.8 Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 28/02/2023 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH KPMG (Việt Nam) kiểm toán.
- 12.9 Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:
- a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

| STT | Nội dung                                                  | Số tiền (VND)      |
|-----|-----------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB tại ngày 31/12/2022 | 17.114.207.069.742 |
| 2   | Thuế thu nhập doanh nghiệp                                | 3.426.015.197.796  |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế (1-2)                                  | 13.688.191.871.946 |
| 3a  | Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)                        | 13.638.510.950.511 |
| 4   | Trích lập các quỹ, trong đó:                              | 2.205.827.907.894  |
| 4a  | Quỹ DTBSVDL của ACB (3a x 5%)                             | 681.925.547.526    |
| 4b  | Quỹ dự phòng tài chính của ACB (3a x 10%)                 | 1.363.851.095.051  |
| 4c  | Quỹ của các công ty con                                   | 10.051.265.317     |
| 4d  | Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB                          | 150.000.000.000    |
| 5   | Lợi nhuận 2022 sau khi trích lập các quỹ (3-4)            | 11.482.363.964.052 |
| 6   | Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia                     | 3.540.043.838.343  |
| 7   | Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2022 (5+6)       | 15.022.407.802.395 |
| 8   | Vốn điều lệ ACB                                           | 33.774.350.940.000 |
| 9   | Số lượng cổ phiếu đã phát hành                            | 3.377.435.094      |
| 10  | Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2022               | 3.377.435.094      |
| 11  | Chia cổ tức năm 2022 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%)    | 8.443.587.734.000  |

| STT | Nội dung                 | Số tiền (VND)     |
|-----|--------------------------|-------------------|
| 12  | Lợi nhuận còn lại (7-11) | 6.578.820.068.395 |

b. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2023:

| STT | Nội dung                                                   | Số tiền (VND)      |
|-----|------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | Lợi nhuận trước thuế của tập đoàn ACB 31/12/2023           | 20.058.000.000.000 |
| 2   | Thuế thu nhập doanh nghiệp                                 | 4.011.600.000.000  |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế (1-2)                                   | 16.046.400.000.000 |
| 3a  | Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)                         | 15.503.200.000.000 |
| 4   | Trích lập các quỹ, trong đó:                               | 2.606.960.000.000  |
|     | Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB                           | 200.000.000.000    |
| 5   | Lợi nhuận 2023 sau khi trích lập các quỹ (3-4)             | 13.439.440.000.000 |
| 6   | Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia                      | 6.578.820.068.395  |
| 7   | Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2023 (5+6)        | 20.018.260.068.395 |
| 8   | Vốn điều lệ ACB                                            | 33.774.350.940.000 |
| 9   | Số lượng cổ phiếu đã phát hành                             | 3.377.435.094      |
| 10  | Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức 2022 (15%) | 506.615.264        |
| 11  | Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2023 (9+10)         | 3.884.050.358      |
| 12  | Chia cổ tức năm 2023 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%)     | 9.710.125.898.000  |
| 13  | Lợi nhuận còn lại (7-12)                                   | 10.308.134.170.395 |

c. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo quy định của pháp luật.

12.10 Thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ từ cổ tức năm 2022 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

- Thông qua việc tăng mức vốn điều lệ từ 33.774.350.940.000 đồng lên 38.840.503.580.000 đồng (tăng thêm 5.066.152.640.000 đồng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- Thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ, phương án phát hành cổ phiếu, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- Thông qua việc thay đổi mức vốn điều lệ ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu từ 33.774.350.940.000 đồng lên 38.840.503.580.000 đồng.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)

- 12.11 Thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2023 là 0,6% (không phải sáu phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2023.
- 12.12 Thông qua việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu như sau:
- Bổ sung vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các nghiệp vụ sau đây:
    - Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
    - Ngân hàng giám sát (bao gồm hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán) sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.
  - Bổ sung vào Điều 13 “Các hoạt động khác” của Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu ngày 01/8/2022 như sau:
    - Khoản 12 “Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;”
    - Khoản 13 “Ngân hàng giám sát (bao gồm hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán)” sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.(Khoản 12 hiện tại “Các hoạt động khác theo quy định pháp luật” sẽ chuyển thành khoản 14.)
- 12.13 Thông qua việc bổ sung vào Điều lệ một khoản mới tại Điều 45 “Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị” có nội dung như sau:
- Khoản 28: “Phê duyệt các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại Ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.”

**13. HĐQT và BKS họp để bầu các chức danh HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát.**

**14. Công bố kết quả bầu các chức danh HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát:**

- Ông Trần Hùng Huy được bầu làm Chủ tịch HĐQT.
- Ông Nguyễn Thành Long được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT.
- Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát.

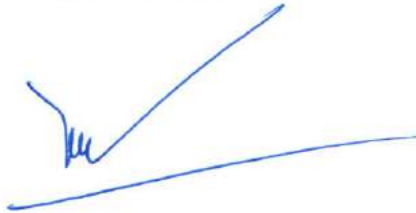
### **III. KẾT THÚC ĐẠI HỘI**

1. Ông Trần Hùng Huy, Chủ tọa Đại hội, phát biểu.
2. Đọc dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ đông biểu quyết về Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu về Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Kết quả là Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp.

*(Biên bản kiểm phiếu Biên bản họp đính kèm.)*

5. Chủ tọa Đại hội phát biểu bế mạc.
6. Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 40 phút cùng ngày.

**TM. BAN THƯ KÝ**



**Phan Lạc Kim Trinh**

**TM. CHỦ TỌA ĐOÀN**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Trần Hùng Huy**

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU 03 VẤN ĐỀ**

Hôm nay, ngày 13/4/2023, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua 03 vấn đề Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028, và Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

**I. Số lượng cổ đông dự họp:**

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 13/3/2022): 53.405 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 3.377.435.094 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.377.435.094 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 604 cổ đông, chiếm 1,13% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 2.409.811.228 cổ phần, chiếm 71,35% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với các vấn đề như sau:****1. Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.190.194.799 cổ phần, chiếm 90,89% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 219.616.429 cổ phần, chiếm 9,11% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 307 cổ đông, chiếm 50,83% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.184.991.673 cổ phần, chiếm 90,67% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,17% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 1 cổ đông, chiếm 0,17% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 5.203.125 cổ phần, chiếm 0,22% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

## 2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.190.194.799 cổ phần, chiếm 90,89% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 219.616.429 cổ phần, chiếm 9,11% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 307 cổ đông, chiếm 50,83% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.184.991.664 cổ phần, chiếm 90,67% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 2 cổ đông, chiếm 0,33% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 5.203.135 cổ phần, chiếm 0,22% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

## 3. Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.190.194.799 cổ phần, chiếm 90,89% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 219.616.429 cổ phần, chiếm 9,11% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 306 cổ đông, chiếm 50,66% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.184.951.664 cổ phần, chiếm 90,67% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 3 cổ đông, chiếm 0,50% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 5.243.135 cổ phần, chiếm 0,22% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

### III. Kết luận:

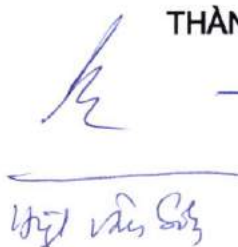
Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các vấn đề sau:

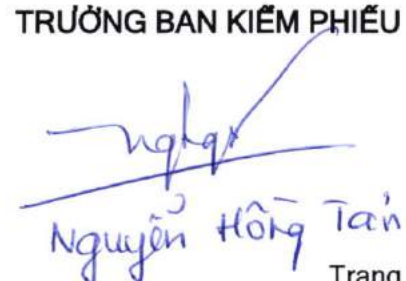
1. Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028;
3. Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 13/4/2023.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

  
Nguyễn Trung Nghĩa

  
Nguyễn Hồng Tân



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 13/4/2023

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU**

Hôm nay ngày 13/4/2023, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

**I. Số lượng cổ đông dự họp:**

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 13/3/2023): 53.405 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 3.377.435.094 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.377.435.094 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 640 cổ đông, chiếm 1,20% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 2.469.764.006 cổ phần, chiếm 73,13% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**II. Kết quả bầu như sau:**

**1. Kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị:**

- Tổng số phiếu phát ra: **22.227.876.054**.
- Tổng số phiếu tham gia bầu: **21.360.434.958**, chiếm 96,10% so với tổng số phiếu bầu của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: **8.391.195**, chiếm 0,04% so với tổng số phiếu bầu của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không tham gia bầu: **867.441.096**, chiếm 3,90% so với tổng số phiếu bầu của cổ đông dự họp.
- Kết quả bầu cử như sau:

| STT | Họ và tên ứng viên    | Số cổ đông                         | Số phiếu                                    |
|-----|-----------------------|------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1   | Ông Trần Hùng Huy     | 428 cổ đông,<br>chiếm tỉ lệ 66,88% | 2.869.717.806 phiếu,<br>chiếm tỉ lệ 116,19% |
| 2   | Ông Nguyễn Thành Long | 373 cổ đông,<br>chiếm tỉ lệ 58,28% | 2.307.876.292 phiếu,<br>chiếm tỉ lệ 93,45%  |
| 3   | Ông Hiep Van Vo       | 366 cổ đông,<br>chiếm tỉ lệ 57,19% | 2.286.095.514 phiếu,<br>chiếm tỉ lệ 92,56%  |
| 4   | Bà Đinh Thị Hoa       | 360 cổ đông,<br>chiếm tỉ lệ 56,25% | 2.309.010.994 phiếu,<br>chiếm tỉ lệ 93,49%  |
| 5   | Bà Đặng Thu Thủy      | 363 cổ đông,<br>chiếm tỉ lệ 56,72% | 2.411.395.871 phiếu,<br>chiếm tỉ lệ 97,64%  |
| 6   | Ông Đàm Văn Tuấn      | 354 cổ đông,<br>chiếm tỉ lệ 55,31% | 2.280.877.691 phiếu,<br>chiếm tỉ lệ 92,35%  |
| 7   | Ông Đỗ Minh Toàn      | 381 cổ đông,<br>chiếm tỉ lệ 59,53% | 2.294.719.425 phiếu,<br>chiếm tỉ lệ 92,91%  |
| 8   | Ông Nguyễn Văn Hòa    | 364 cổ đông,<br>chiếm tỉ lệ 56,88% | 2.309.999.848 phiếu,<br>chiếm tỉ lệ 93,53%  |
| 9   | Ông Trịnh Bảo Quốc    | 350 cổ đông,<br>chiếm tỉ lệ 54,69% | 2.282.347.514 phiếu,<br>chiếm tỉ lệ 92,41%  |

**2. Kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát:**



- Tổng số phiếu phát ra: **7.409.292.018** .
- Tổng số phiếu tham gia bầu: **7.009.438.911** , chiếm 94,60% so với tổng số phiếu bầu của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: **2.585.400** , chiếm 0,03% so với tổng số phiếu bầu của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không tham gia bầu: **399.853.107** , chiếm 5,40% so với tổng số phiếu bầu của cổ đông dự họp.
- Kết quả bầu cử như sau:

| STT | Họ và tên ứng viên     | Số cổ đông                         | Số phiếu                                   |
|-----|------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1   | Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp   | 423 cổ đông,<br>chiếm tỉ lệ 66,09% | 2.437.882.269 phiếu,<br>chiếm tỉ lệ 98,71% |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Minh Lan | 408 cổ đông,<br>chiếm tỉ lệ 63,75% | 2.289.132.043 phiếu,<br>chiếm tỉ lệ 92,69% |
| 3   | Bà Hoàng Ngân          | 398 cổ đông,<br>chiếm tỉ lệ 62,19% | 2.279.758.357 phiếu,<br>chiếm tỉ lệ 92,31% |

### III. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua 02 vấn đề sau:

1. Bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028;
2. Bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 13/4/2023.

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 13/4/2023.

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU**

**TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU**

  
Trần Văn Sỹ

  
Nguyễn Trung Nghĩa

  
Nguyễn Hồng Tài

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU CÁC VẤN ĐỀ TẠI CUỘC HỌP  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Hôm nay, ngày 13/4/2023, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

**I. Số lượng cổ đông dự họp:**

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 13/3/2022): 53.405 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 3.377.435.094 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.377.435.094 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 648 cổ đông, chiếm 1,21% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 2.469.908.969 cổ phần, chiếm 73,13% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với các vấn đề như sau:****1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023.**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.435.942.861 cổ phần, chiếm 98,62% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 33.966.108 cổ phần, chiếm 1,38% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 2, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 502 cổ đông, chiếm 77,47% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.435.906.241 cổ phần, chiếm 98,62% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 7 cổ đông, chiếm 1,08% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 36.618 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

## 2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2022.

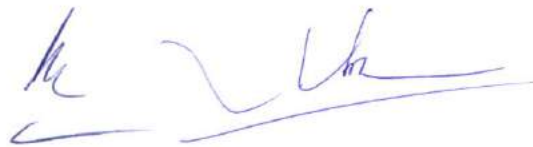
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.435.942.861 cổ phần, chiếm 98,62% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 33.966.108 cổ phần, chiếm 1,38% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 2, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 499 cổ đông, chiếm 77,01% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.435.826.441 cổ phần, chiếm 98,62% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 10 cổ đông, chiếm 1,54% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 116.418 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

## 3. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.435.942.861 cổ phần, chiếm 98,62% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 33.966.108 cổ phần, chiếm 1,38% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 2, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 500 cổ đông, chiếm 77,16% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.435.464.001 cổ phần, chiếm 98,61% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 9 cổ đông, chiếm 1,39% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 478.858 cổ phần, chiếm 0,02% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

## 4. Phân phối lợi nhuận năm 2022, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2023.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.435.942.861 cổ phần, chiếm 98,62% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 33.966.108 cổ phần, chiếm 1,38% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 2, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 498 cổ đông, chiếm 76,85% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.435.411.676 cổ phần, chiếm 98,60% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,15% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 42.250 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 10 cổ đông, chiếm 1,54% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 488.933 cổ phần, chiếm 0,02% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.



**5. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2022 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.**

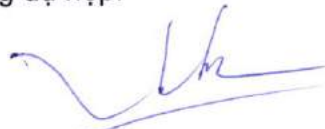
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.435.928.736 cổ phần, chiếm 98,62% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 33.980.233 cổ phần, chiếm 1,38% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 2, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 493 cổ đông, chiếm 76,08% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.435.376.103 cổ phần, chiếm 98,60% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 2 cổ đông, chiếm 0,31% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 10.051 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 13 cổ đông, chiếm 2,01% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 542.580 cổ phần, chiếm 0,02% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

**6. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023.**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.435.942.861 cổ phần, chiếm 98,62% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 33.966.108 cổ phần, chiếm 1,38% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 1.002, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 481 cổ đông, chiếm 74,23% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.433.044.665 cổ phần, chiếm 98,51% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 27 cổ đông, chiếm 4,17% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.897.194 cổ phần, chiếm 0,12% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

**7. Bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu.**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.435.942.561 cổ phần, chiếm 98,62% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 33.966.408 cổ phần, chiếm 1,38% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 1.002, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 496 cổ đông, chiếm 76,54% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.435.636.715 cổ phần, chiếm 98,61% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,15% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 10 cổ đông, chiếm 1,54% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 304.843 cổ phần, chiếm 0,01% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.



#### 8. Bổ sung nội dung về quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tại Điều lệ.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.435.938.043 cổ phần, chiếm 98,62% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 33.970.926 cổ phần, chiếm 1,38% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 1.002, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 483 cổ đông, chiếm 74,54% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.427.110.170 cổ phần, chiếm 98,27% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 2 cổ đông, chiếm 0,31% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 8.683 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 19 cổ đông, chiếm 2,93% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 8.818.188 cổ phần, chiếm 0,36% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

#### III. Kết luận:

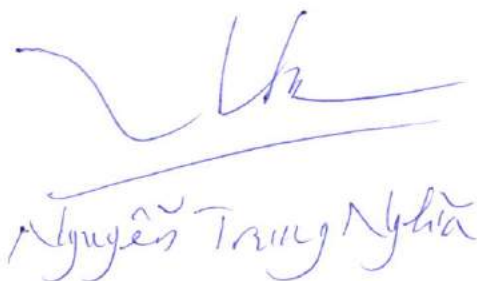
Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các vấn đề sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2022;
3. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022;
4. Phân phối lợi nhuận năm 2022, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2023;
5. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2022 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
6. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023;
7. Bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
8. Bổ sung nội dung về quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tại Điều lệ.

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 13/4/2023.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU



Nguyễn Trung Nghĩa



Trần Văn Hùng



Nguyễn Hồng Tân



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 13/4/2023

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU VỀ BIÊN BẢN HỌP**

Hôm nay ngày 13/4/2023, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

**I. Số lượng cổ đông dự họp:**

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 13/3/2023): 53.405 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 3.377.435.094 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.377.435.094 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 648 cổ đông, chiếm 1,21% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 2.469.908.969 cổ phần, chiếm 73,13% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023:**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.377.113.507 cổ phần, chiếm 96,24% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 92.795.462 cổ phần, chiếm 3,76% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + Tán thành: 371 cổ đông, chiếm 57,25% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.377.109.941 cổ phần, chiếm 96,24% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + Không tán thành: 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + Không có ý kiến: 3 cổ đông, chiếm 0,46% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.566 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

**III. Kết luận:**

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 13/4/2023.

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU**

  
Nguyễn Trung Nghĩa

  
Lê Văn Sơn

**TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU**

  
Nguyễn Hồng Tân

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU  
Số: 941 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

Về Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên  
năm 2023

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình ngày 02/3/2023 về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2023,

## QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 13 tháng 4 năm 2023.
- Điều 3.** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

#### Đính kèm:

- Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Trần Hùng Huy

**QUY CHẾ BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ  
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2023****Điều 1. Vấn đề biểu quyết.**

1. Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028;
3. Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028;
4. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023;
5. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2022;
6. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022;
7. Phân phối lợi nhuận năm 2022, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2023;
8. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2022 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
9. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023;
10. Bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ;
11. Bổ sung nội dung về quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tại Điều lệ;
12. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

**Điều 2. Tờ biểu quyết.**

1. Mỗi cổ đông được phát 03 Tờ biểu quyết. 03 Tờ biểu quyết này có 12 Thẻ biểu quyết tương ứng với 12 vấn đề cần biểu quyết:
  - 1.1. Tờ biểu quyết thứ nhất:

Tờ biểu quyết này có 03 Thẻ biểu quyết tương ứng với 03 vấn đề, cụ thể như sau:

    - (1) Thẻ biểu quyết về Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
    - (2) Thẻ biểu quyết về Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028;
    - (3) Thẻ biểu quyết về Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028.
  - 1.2. Tờ biểu quyết thứ hai:

Tờ biểu quyết này có 08 Thẻ biểu quyết tương ứng với 08 vấn đề, cụ thể như sau:

    - (1) Thẻ biểu quyết về Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023;

- (2) Thẻ biểu quyết về Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2022;
- (3) Thẻ biểu quyết về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022;
- (4) Thẻ biểu quyết về việc Phân phối lợi nhuận năm 2022, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2023;
- (5) Thẻ biểu quyết về Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2022 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
- (6) Thẻ biểu quyết về Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023;
- (7) Thẻ biểu quyết về việc Bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ;
- (8) Thẻ biểu quyết về việc Bổ sung nội dung về quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tại Điều lệ.

1.3. Tờ biểu quyết thứ ba:

Tờ biểu quyết này có 01 Thẻ biểu quyết tương ứng với vấn đề “Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.”

2. Nội dung Tờ biểu quyết bao gồm:

- Ngày đại hội, kỳ đại hội;
  - Họ và tên cổ đông;
  - Số cổ phần sở hữu;
  - Số phiếu biểu quyết;
  - Mã vạch để nhận dạng cổ đông (mã số cổ đông);
  - Thẻ biểu quyết tương ứng với từng vấn đề biểu quyết và các trạng thái “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của từng vấn đề biểu quyết.
  - Các nội dung khác (nếu có).
3. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp kiểm tra lại hình thức và nội dung các Tờ biểu quyết của mình, nếu có sai sót thì được đổi Tờ biểu quyết khác.
  4. Để thuận tiện cho việc kiểm phiếu, Tờ biểu quyết phải được giữ ngay thẳng và không được gấp lại.

**Điều 3. Cách thức biểu quyết.**

1. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp đánh dấu (X) vào ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” mà mình lựa chọn cho mỗi vấn đề biểu quyết [X].
  - a. Trường hợp thay đổi ý kiến thì:
    - + Khoanh tròn ô đã lựa chọn [X] và
    - + Đánh dấu (X) vào ô lựa chọn mới [X].
  - b. Trường hợp chọn lại ô đã khoanh tròn thì:

+ Tô đen ô khoanh tròn đó [  ].

2. Thẻ biểu quyết được xem là không hợp lệ nếu:
  - a. Thẻ biểu quyết được đánh dấu X sai vị trí quy định; và/hoặc
  - b. Thẻ biểu quyết được đánh dấu X hoặc tô đen ô khoanh tròn vào cả 02 hoặc 03 ô biểu quyết; và/hoặc
  - c. Thẻ biểu quyết bị tẩy xóa, viết, vẽ hay có bất kỳ ký hiệu nào trên thẻ (ngoài hướng dẫn nêu tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này); và/hoặc
  - d. Thẻ biểu quyết không do Ban tổ chức đại hội cổ đông phát hành; và/hoặc
  - đ. Thẻ biểu quyết bị rách, không còn nguyên vẹn.
3. Thẻ biểu quyết không đánh dấu X vào bất kỳ ô nào được xem như không tham gia biểu quyết đối với vấn đề tương ứng.
4. Ban kiểm phiếu thu Thẻ biểu quyết theo từng đợt và tiến hành kiểm phiếu.

#### **Điều 4. Điều kiện thông qua các vấn đề.**

1. Đối với việc biểu quyết về (i) phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2022 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, (ii) việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ, và (iii) việc bổ sung nội dung về quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tại Điều lệ, thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Đối với việc biểu quyết các vấn đề còn lại thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

#### **Điều 5. Công bố kết quả kiểm phiếu.**

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề nêu tại Điều 1 sẽ được lập thành Biên bản kiểm phiếu đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và được công bố ngay trước khi kết thúc cuộc họp.

#### **Điều 6. Điều khoản thi hành.**

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và áp dụng cho việc biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp thường niên ngày 13/4/2023 của Ngân hàng TMCP Á Châu.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2023**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

Về số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình ngày 02/3/2023 về số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2023,

## QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2023 – 2028 như sau:
- Số lượng thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 là chín (09) thành viên, trong đó có một (01) thành viên độc lập;
  - Số lượng thành viên được bầu vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 là ba (03) thành viên, cả ba (03) đều là thành viên chuyên trách.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 13 tháng 4 năm 2023.
- Điều 3.** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU  
Số: 943 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

Về Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình ngày 02/3/2023 về Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2023,

## QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2023 – 2028.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 13 tháng 4 năm 2023.
- Điều 3.** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, và Ban kiểm soát có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

#### Đính kèm:

- Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2023 – 2028.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

**QUY CHẾ BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023 – 2028****Điều 1. Vấn đề biểu quyết**

1. Tờ trình về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028.
2. Tờ trình về việc bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028.

**Điều 2. Tờ biểu quyết**

1. Mỗi cổ đông được phát 01 Tờ biểu quyết về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và 01 Tờ biểu quyết về việc bầu thành viên Ban kiểm soát. Mỗi Tờ biểu quyết có các nội dung sau:
  - Ngày đại hội, kỳ đại hội;
  - Họ và tên cổ đông;
  - Số cổ phần sở hữu;
  - Số phiếu được bầu;
  - Tên người được đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - Mã vạch để nhận dạng cổ đông;
  - Các nội dung khác (nếu có).
2. Số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp kiểm tra lại hình thức, nội dung Tờ biểu quyết của mình, nếu có sai sót thì được đổi Tờ biểu quyết khác.
4. Để thuận tiện cho việc kiểm phiếu, cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền phải giữ Tờ biểu quyết ngay thẳng và không được gấp Tờ biểu quyết.

**Điều 3. Cách thức bầu**

1. Việc bầu được tiến hành theo nguyên tắc trực tiếp, bỏ phiếu kín và bầu dồn phiếu. Theo đó, cổ đông chọn **một trong hai cách** sau:
  - a. Cách 1 (Tín nhiệm đều):
    - Đối với việc bầu thành viên Hội đồng quản trị: Trường hợp cổ đông muốn chia đều số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên thì cổ đông đánh dấu “X” vào ô ☐ ở cột “Cách 1” cho từng ứng viên được bầu. Nếu đánh dấu “X” vào bao nhiêu ô ☐ thì tổng số phiếu bầu sẽ chia đều cho bấy nhiêu ứng viên được bầu.
    - Đối với việc bầu thành viên Ban kiểm soát: Trường hợp cổ đông muốn chia đều số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên thì cổ đông đánh dấu “X” vào ô ☐ ở cột “Cách 1” cho từng ứng viên được bầu. Nếu đánh dấu “X” vào bao nhiêu ô ☐ thì tổng số phiếu bầu sẽ chia đều cho bấy nhiêu ứng viên được bầu.

Ví dụ:

- Cổ đông đánh dấu X vào (01) ô ☐ thì tổng số phiếu bầu dồn hết cho (01) ứng viên được bầu.
- Cổ đông đánh dấu X vào (03) ô ☐ thì tổng số phiếu bầu chia đều cho (03) ứng viên được bầu.
- Cổ đông đánh dấu X vào (09) ô ☐ thì tổng số phiếu bầu chia đều cho (09) ứng viên được bầu.

b. Cách 2 (Tín nhiệm có điều chỉnh):

Trường hợp cổ đông muốn điều chỉnh tỷ lệ phiếu bầu cho các ứng viên bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thì cổ đông ghi tỷ lệ phiếu bầu vào cột “Cách 2” cụ thể:

- Chọn một trong các tỷ lệ sau: 5%, 10%, 20%, 30%, v.v. hoặc tỷ lệ khác (không lấy số thập phân).
- Ghi tỷ lệ vào các ô trống của cột “Cách 2”, mỗi ô trống là một ký tự.
- Tổng tỷ lệ phiếu bầu của các ứng viên được bầu không được vượt quá tỷ lệ 100%.
- Trường hợp cổ đông muốn ghi 100% cho 01 ứng viên được bầu thì đánh dấu “X” vào (01) ô ☐ tương ứng cho (01) ứng viên được bầu ở cột “Cách 1”.

Ví dụ:

- Cổ đông bầu 40% số phiếu cho ứng viên 1, cổ đông ghi số 40 vào cột “Cách 2” cho ứng viên 1.
- Cổ đông bầu 20% số phiếu cho ứng viên 2, cổ đông ghi số 20 vào cột “Cách 2” cho ứng viên 2.
- Cổ đông bầu 10% số phiếu cho ứng viên 3, cổ đông ghi số 10 vào cột “Cách 2” cho ứng viên 3.
- Cổ đông bầu 30% số phiếu cho ứng viên 4, cổ đông ghi số 30 vào cột “Cách 2” cho ứng viên 4.

2. Tờ biểu quyết không hợp lệ:

- Tờ biểu quyết không do Ban kiểm phiếu phát ra;
- Tờ biểu quyết bị tẩy xóa, bị rách mã số (không thể xác định được cổ đông, nội dung biểu quyết), viết vẽ hay có bất kỳ ký hiệu không phù hợp nào trên tờ biểu quyết;
- Tờ biểu quyết bầu quá số người được bầu;
- Tờ biểu quyết bầu cho người không có tên trong danh sách đề cử (ghi thêm tên ứng viên);
- Tờ biểu quyết chọn cả 2 cách bầu cho mỗi ứng viên (vừa đánh dấu “X” vào cột “Cách 1”, vừa ghi thêm tỷ lệ phiếu bầu vào cột “Cách 2” cho mỗi ứng viên);
- Tờ biểu quyết có ghi tỷ lệ biểu quyết ở dạng số thập phân;
- Tờ biểu quyết có tổng tỷ lệ phiếu bầu vượt quá tỷ lệ 100%.

3. Tờ biểu quyết không bầu cho ứng viên nào (để trống) được xem như cổ đông không tham gia biểu quyết.
4. Ban kiểm phiếu thu 02 Tờ biểu quyết một lần và tiến hành kiểm phiếu.

**Điều 4. Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Người trúng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có hai (02) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho các vị trí cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau theo nguyên tắc dồn phiếu.

**Điều 5. Công bố kết quả kiểm phiếu**

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua vấn đề bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ được lập thành Biên bản kiểm phiếu đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và được công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.

**Điều 6. Điều khoản thi hành**

Quy chế này có hiệu lực kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và áp dụng cho việc thông qua việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 13/4/2023 của Ngân hàng TMCP Á Châu.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2023**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

Về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình ngày 02/3/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2023,

### QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Bầu các ông/bà có tên sau đây làm thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2023 – 2028:

1. Ông Trần Hùng Huy (CCCD số 079078004267)
2. Ông Nguyễn Thành Long (CCCD số 079051002164)
3. Ông Hiep Van Vo (Hộ chiếu số 683385889)
4. Bà Đinh Thị Hoa (CCCD số 001161034198)
5. Bà Đặng Thu Thủy (CCCD số 079155006666)
6. Ông Đàm Văn Tuấn (CCCD số 022051003197)
7. Ông Đỗ Minh Toàn (CCCD số 054071000015)
8. Ông Nguyễn Văn Hòa (CCCD số 048069001453)
9. Ông Trịnh Bảo Quốc (Hộ chiếu số 530608639), thành viên độc lập.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Trần Hùng Huy

**NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**  
Số: 945 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.23

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại Tờ trình ngày 02/3/2023 về việc bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2023,

## **QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Bầu các ông/bà có tên sau đây làm thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2023 – 2028:

1. Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp (CCCD số 079053010399), thành viên chuyên trách
2. Bà Nguyễn Thị Minh Lan (CCCD số 026165001958), thành viên chuyên trách
3. Bà Hoàng Ngân (CCCD số 079154010706), thành viên chuyên trách.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA**



**Trần Hùng Huy**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2023,

### QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 với các chỉ tiêu tài chính tín dụng (hợp nhất) trọng yếu như sau:

- Tổng tài sản tăng 10%, ước đạt 668.788 tỷ đồng;
- Huy động vốn (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) tăng 8,1%, ước đạt 495.411 tỷ đồng;
- Dự nợ cho vay tăng 9,7%, ước đạt 453.836 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế tăng 17,2%, ước đạt 20.058 tỷ đồng;
- Tỷ lệ nợ xấu (N3 – N5) dưới 2%.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

**Đính kèm:**

- Báo cáo của Hội đồng quản trị ngày 10/3/2023.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2023***BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ*****Về kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023*****1 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022.****1.1 Bối cảnh hoạt động ngân hàng năm 2022.**

Kinh tế vĩ mô ổn định về cơ bản; lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được phục hồi; và các cân đối lớn được bảo đảm. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 8,02% so với năm trước, có mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm chỉ tăng 3,15%.<sup>1</sup>

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã bám sát diễn biến thị trường, tình hình trong nước và quốc tế để điều chỉnh chính sách tiền tệ - tín dụng, thực hiện đồng bộ các công cụ và giải pháp, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế và đảm bảo sự phát triển an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng.

Đến ngày 31/12/2022, tăng trưởng tín dụng đạt 14,17% so với cuối năm 2021, và huy động tiền gửi tăng 7,98%.<sup>2</sup>

**1.2 Kết quả hoạt động kinh doanh của ACB năm 2022.**

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô đó, ACB tiếp tục tăng trưởng về quy mô, đạt lợi nhuận cao, và tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn.

**1.2.1 Tài sản**

|                             | Quy mô<br>(ngàn tỷ đồng) | Mức tăng<br>(ngàn tỷ đồng) | Tỷ lệ tăng (%) | Thực hiện / Kế<br>hoạch (%) |
|-----------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------|-----------------------------|
| Tổng tài sản (i)            | 608                      | 80,11                      | 15,18          | 103                         |
| Tiền gửi khách hàng<br>(ii) | 414                      | 34,03                      | 8,96           | 98                          |
| Giấy tờ có giá (iii)        | 44                       | 13,76                      | 45,03          | 138                         |
| Dư nợ cho vay (iv)          | 414                      | 51,79                      | 14,31          | 99                          |
| Vốn chủ sở hữu              | 58                       | 13,54                      | 30,15          | -                           |

(i) Các khoản mục trong bảng tổng kết tài sản tiếp tục tăng trưởng ổn định.

<sup>1</sup> Thông cáo báo chí của Tổng cục Thống kê ngày 29/12/2022 về tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2022.

<sup>2</sup> Tính toán theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước.

(ii) Trên cơ sở có kiểm soát mức tăng.

(iii) Trong năm 2022, ACB đã phát hành thành công 19.200 tỷ đồng giấy tờ có giá, kỳ hạn bình quân 1,25 năm, với chi phí hợp lý, góp phần tăng quy mô nguồn vốn của ACB.

(iv) Trong đó, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân tăng 42 ngàn tỷ đồng, tương đương 18,09%.

#### 1.2.2 Các chỉ số hoạt động.

| ĐVT: %                       | 2022 | 2021 |
|------------------------------|------|------|
| Chi phí hoạt động / thu nhập | 40   | 35   |
| Tỷ lệ nợ nhóm 2 – 5          | 1,30 | 1,30 |
| Tỷ lệ nợ nhóm 3 – 5          | 0,74 | 0,77 |
| Tỷ lệ bao phủ nợ xấu         | 159  | 209  |

#### 1.2.3 Các chỉ số hiệu quả.

Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn năm 2022 đạt 17.114 tỷ đồng, tăng 43% so với năm 2021 và hoàn thành 114% kế hoạch đã trình Đại hội đồng cổ đông (15.018 tỷ đồng).

| ĐVT: %                                      | 2022  | 2021  |
|---------------------------------------------|-------|-------|
| Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân | 2,41  | 1,98  |
| Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu         | 26,49 | 23,90 |

#### 1.2.4 Tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động.

Các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng luôn được ACB giám sát chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ quy định của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016. Các giới hạn và tỷ lệ này được duy trì ổn định trong năm 2022 và tại ngày 31/12/2022 có giá trị như sau:

| ĐVT: %                                                         | Giá trị | Quy định |
|----------------------------------------------------------------|---------|----------|
| Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (v)                                 | 12,80   | 8        |
| Tỷ lệ dự trữ thanh khoản                                       | 16,14   | 10       |
| Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn | 19,63   | 34       |
| Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi                       | 78,38   | 85       |

|                                                          |                     |
|----------------------------------------------------------|---------------------|
| Các giới hạn cấp tín dụng, giới hạn góp vốn, mua cổ phần | Nằm trong giới hạn. |
|----------------------------------------------------------|---------------------|

(v) Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất được duy trì trên mức 10% tại mọi thời điểm trong năm. Tỷ lệ này năm 2022 là cao hơn mức 11,23% của năm 2021.

### **1.3 Thực hiện nghị quyết năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông.**

Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông được hoàn thành trong thời hạn quy định. Tài khoản chứng khoán của cổ đông được ghi có vào ngày 23/6/2022, hơn hai tháng sau ngày họp Đại hội cổ đông thường niên (07/4/2022).

### **1.4 Công tác quản trị.**

#### **1.4.1 Hội đồng quản trị.**

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp năm lần và thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản sáu lần đối với các vấn đề phát sinh; và ban hành tổng cộng 74 quyết định liên quan đến chủ trương, chính sách đối với các hoạt động trọng yếu, tổ chức bộ máy và nhân sự cấp quản lý. Các báo cáo quản trị công ty định kỳ 6 tháng và cả năm được thực hiện đầy đủ và báo cáo cho cơ quan quản lý Nhà nước.

Các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị gồm có Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược và Ủy ban Đầu tư.

#### **1.4.2 Ủy ban Quản lý rủi ro.**

Ủy ban Quản lý rủi ro bao gồm mười thành viên, trong đó có sáu thành viên thuộc Hội đồng quản trị. Trong năm 2022, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức năm phiên họp định kỳ, qua đó thảo luận các chương trình hành động ưu tiên nhằm tăng cường công tác quản lý bảy loại rủi ro trọng yếu gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro tập trung và rủi ro danh tiếng.

Về quản lý rủi ro tín dụng: Đã chỉ đạo Ban điều hành đảm bảo chất lượng tín dụng, kiểm soát tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp và xử lý các vi phạm trong công tác cấp tín dụng.

Về quản lý rủi ro thanh khoản, lãi suất trên sổ ngân hàng và thị trường: Đã chỉ đạo Ban điều hành tăng cường quản lý, kịp thời ứng phó với các biến động có khả năng phát sinh; đồng thời nâng cao năng lực quản lý rủi ro theo chuẩn mực Basel II và Basel III.

Về quản lý rủi ro hoạt động: Nhấn mạnh đến công tác phòng chống gian lận, đảm bảo tuân thủ và quản lý rủi ro công nghệ thông tin trong quá trình cung cấp sản phẩm và dịch vụ đến khách hàng.

Về quản lý rủi ro danh tiếng: Yêu cầu thường xuyên giám sát sức khỏe thương hiệu, ứng dụng công nghệ để phát hiện, xử lý khủng hoảng truyền thông và đào tạo nhân sự ứng xử phù hợp với các sự kiện tiêu cực.

#### **1.4.3 Ủy ban Nhân sự.**

Ủy ban Nhân sự hiện nay có tám thành viên, trong đó có năm thành viên Hội đồng quản trị. Trong năm 2022, Ủy ban Nhân sự đã phê duyệt hoặc trình Hội đồng quản trị phê duyệt một số vấn đề quan trọng thuộc các lĩnh vực sau: (i) Bổ nhiệm và tái bổ nhiệm nhân sự quản lý, trong đó có việc bổ nhiệm Tổng giám đốc, một Phó Tổng giám đốc; (ii) Phê duyệt thành lập Khối Ngân hàng số, điều chỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các hội đồng trực thuộc Tổng giám đốc; (iii) Thông qua chính sách nhân sự như nguyên tắc phân bổ ngân sách nhân sự và điều chỉnh thu nhập năm 2022, v.v.

#### **1.4.4 Ủy ban Chiến lược.**

Ủy ban Chiến lược hiện tại gồm có sáu thành viên, trong đó có bốn thành viên Hội đồng quản trị. Trong năm 2022, Ủy ban Chiến lược chỉ đạo triển khai chiến lược 2019 – 2024 thông qua các cuộc họp với Văn phòng Quản lý chuyển đổi và các đơn vị liên quan khác để rà soát tiến độ, phương pháp tiếp cận, cũng như hiệu quả triển khai của các dự án chiến lược.

#### **1.4.5 Ủy ban Đầu tư.**

Ủy ban Đầu tư hiện có năm thành viên, trong đó có ba thành viên Hội đồng quản trị. Trong năm 2022, Ủy ban Đầu tư đã đưa ra định hướng đầu tư cho các công ty con đồng thời tăng cường khung quản lý các công ty con, giám sát hiệu quả hoạt động đầu tư của Tập đoàn và thoái vốn các khoản đầu tư cũ.

#### **1.4.6 Thù lao và thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành.**

*(Xin xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022, phần Thuyết minh, mục 44 “Giao dịch với các bên liên quan.”)*

### **1.5 Kết quả giám sát đối với Ban điều hành.**

Hội đồng quản trị nhận thấy:

- Ban điều hành đã thực thi kế hoạch kinh doanh năm 2022 thành công, đạt các chỉ tiêu tăng trưởng về quy mô tài sản, hiệu quả hoạt động, an toàn theo đúng định hướng chiến lược hoạt động 2019 – 2024.
- Cân đối được nguồn vốn và các nguồn lực khác cho các cơ hội kinh doanh và sử dụng vốn linh hoạt và có hiệu quả.
- Đảm bảo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ được tuân thủ chặt chẽ, và hệ thống kiểm soát nội bộ được củng cố.
- Đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu kinh doanh.
- Xây dựng văn hóa kinh doanh năng động và lành mạnh, tạo động lực cho nhân viên đồng hành và gắn kết.

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành.

## **2 ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023.**

### **2.1 Môi trường kinh doanh ngân hàng năm 2023.**

Trong năm 2023, Chính phủ tiếp tục ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Dự kiến tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước là khoảng 6,5%, và chỉ số giá tiêu dùng bình quân khoảng 4,5%.<sup>3</sup>

Chính sách tiền tệ sẽ được Ngân hàng Nhà nước điều hành chủ động và linh hoạt, có phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát mục tiêu năm 2023 bình quân khoảng 4,5%, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Năm 2023, định hướng tín dụng tăng khoảng 14-15%, có điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.<sup>4</sup>

## 2.2 Định hướng hoạt động.

Trên cơ sở môi trường kinh doanh nói trên, Hội đồng quản trị cho rằng định hướng hoạt động trong năm 2023 sẽ là: Tăng trưởng tín dụng trong cả năm với tốc độ hợp lý và theo chủ trương của Ngân hàng Nhà nước; Tiếp tục kiểm soát tốt chất lượng tín dụng; Tăng trưởng nguồn vốn theo hướng cân đối với tăng trưởng tín dụng; Phát triển đa dạng sản phẩm dịch vụ phù hợp với nhu cầu của từng phân khúc khách hàng mục tiêu; và Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

## 2.3 Chỉ tiêu tài chính tín dụng chủ yếu.

Hội đồng quản trị phê duyệt đề xuất của Ban điều hành, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các chỉ tiêu tài chính tín dụng chủ yếu năm 2023 như sau:

|   | Chỉ tiêu hợp nhất                       | Ước đạt | Tăng so với 2022 |
|---|-----------------------------------------|---------|------------------|
| 1 | Tổng tài sản (tỷ đồng)                  | 668.788 | 10,0%            |
| 2 | Tiền gửi (gồm giấy tờ có giá) (tỷ đồng) | 495.411 | 8,1%             |
| 3 | Dư nợ cho vay (tỷ đồng)                 | 453.836 | 9,7% (*)         |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)          | 20.058  | 17,2%            |
| 5 | Tỷ lệ nợ xấu (N3 – N5)                  | < 2%    | -                |

(\*) Hạn mức tăng trưởng tín dụng năm 2023 được NHNN cấp theo CV số 1091/NHNN-CSTT ngày 24/02/2023. Mức tăng thực tế trong năm sẽ điều chỉnh tương ứng khi được NHNN cấp bổ sung.

Tóm lại, trong năm 2022, ACB đã đạt kết quả rất khả quan với tài sản có mức tăng trưởng cao, có cơ cấu phù hợp và có chất lượng, có kết quả kinh doanh vượt kế hoạch, tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước, củng cố và nâng cao được nhiều mặt hoạt động của ACB. Bước sang năm 2023, dự báo nền kinh tế vẫn còn nhiều thách thức và khó

<sup>3</sup> Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10/11/2022 về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2023.

<sup>4</sup> Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 17/01/2023 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2023.

khẩn, nhưng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và nhân viên sẽ tiếp tục nỗ lực xây dựng ACB phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững nhằm tạo ra và bảo vệ giá trị tốt nhất cho cổ đông và các bên liên quan khác.

Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và các chỉ tiêu tài chính tín dụng chủ yếu năm 2023.

Trân trọng.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Hùng Huy**

**NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**  
Số: ~~947~~ /TCQĐ-ĐHĐCĐ.23

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về Báo cáo của Ban kiểm soát**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2023,

### **QUYẾT NGHỊ**

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 của Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG** *luan*  
**CHỦ TỌA**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

**Đính kèm:**

- Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 02/3/2023. *huy*



**Trần Hùng Huy**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2023*

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ và Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng Á Châu;
- Căn cứ Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết.

Ban Kiểm soát (BKS) báo cáo về hoạt động của BKS và kết quả thẩm định báo cáo tài chính của Ngân hàng Á Châu năm 2022 như sau:

### **I. Hoạt động của BKS:**

#### **1. Tổng kết các cuộc họp BKS:**

- BKS đã có 06 phiên họp giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên để triển khai chức năng, nhiệm vụ của Ban. Các phiên họp đều có quyết nghị, được lập thành biên bản gửi đến từng thành viên để thực hiện và thông báo Hội đồng quản trị (HĐQT) để biết. (Phiên họp ngày 05/5/2022; 05/7/2022; 20/9/2022; 29/11/2022; 17/02/2023; và 21/02/2023).
- Ngoài ra BKS còn tổ chức họp và trao đổi các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành, kiểm toán nội bộ phục vụ cho mục đích giám sát, kiểm soát của Ban theo yêu cầu phát sinh.

#### **2. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:**

##### **a. Phối hợp hoạt động của BKS với HĐQT, Ban điều hành (BDH):**

- BKS phối hợp với HĐQT, BDH để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng.
- BKS tham gia tất cả các phiên họp của HĐQT; tham gia các hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, tham dự các phiên họp Ủy ban Quản lý rủi ro. Trong các phiên họp, BKS đã thông báo về hoạt động BKS, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến vào nội dung của từng phiên họp về các biện pháp quản lý rủi ro, tăng cường kiểm tra kiểm soát, tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng.
- BKS được Tổng giám đốc và các thành viên BDH cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu và các dữ liệu có liên quan để BKS thực hiện nhiệm vụ.

##### **b. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:**

- Trong năm 2022, HĐQT, BDH đã chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ngân hàng theo định hướng và mục tiêu an toàn hoạt động; nâng cao năng lực quản trị điều hành và

tính minh bạch trong hoạt động Ngân hàng; xử lý nợ theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội; tăng cường quản trị rủi ro phù hợp với các quy định của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và các quy định Nhà nước; ứng dụng có hiệu quả hệ thống tin học của Ngân hàng; áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn vốn (theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN); hoàn thành sớm Basel III, thiết lập mô hình ba tuyến phòng thủ.

- Hoạt động kinh doanh ngân hàng theo định hướng bán lẻ, tập trung vào các sản phẩm truyền thống huy động, cho vay, dịch vụ ngân hàng, đối tượng khách hàng chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ, cá nhân theo mô hình kinh doanh đa dịch vụ; nâng cao chất lượng dịch vụ và tin học hóa sản phẩm dịch vụ ngân hàng; Tăng tỷ trọng nguồn thu từ dịch vụ; Tăng tiền gửi không kỳ hạn; Cơ cấu lại tổ chức và sắp xếp mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch; Tích cực xử lý nợ xấu, trích dự phòng rủi ro; Cơ cấu nợ theo quy định NHNN; Tiết giảm chi phí điều hành, v.v.
- BKS giám sát hoạt động quản trị điều hành thông qua (1) Giám sát thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, các chỉ thị/ kiến nghị của NHNN, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng (CQTTGSNH) liên quan đến việc thực hiện các chính sách tiền tệ, tín dụng, nâng cao năng lực quản lý điều hành, quản trị rủi ro; (2) Giám sát việc chấp hành các quy định của NHNN liên quan đến các giới hạn và tỉ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng, trích dự phòng rủi ro, ...; (3) Giám sát các hạn mức rủi ro đã được ACB thiết lập và đảm bảo tuân thủ theo quy định của NHNN; (4) Giám sát việc chấp hành các quy định của ACB liên quan đến chỉ tiêu nội bộ, huy động vốn, sử dụng vốn, giao dịch ngân quỹ, chất lượng tín dụng, v.v.; (5) Giám sát hoạt động kinh doanh đại lý bảo hiểm, hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp (theo văn bản của CQTTGSNH.)

### c. Kết quả giám sát

- Trong năm 2022 HĐQT và BĐH đã chỉ đạo và điều hành hoạt động ACB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược. Tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ Ngân hàng trong quản trị và điều hành.
- ACB hoạt động an toàn và hiệu quả, đạt tăng trưởng về huy động vốn, cho vay, lợi nhuận, đạt các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông; Chấp hành các quy định của NHNN về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng, giảm tỷ lệ nợ xấu, tích cực xử lý các khoản nợ xấu/ nợ tồn đọng; Cơ cấu nợ cho các khách hàng theo quy định NHNN.
- ACB đã thực hiện quy định về an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN. Về quản trị rủi ro, Ngân hàng đã xây dựng chiến lược, các chính sách quản trị rủi ro đối với từng loại rủi ro trọng yếu. Việc giám sát cấp cao của HĐQT, BĐH thông qua hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro thuộc HĐQT và Hội đồng rủi ro thuộc BĐH (đáp ứng yêu cầu Thông tư số 13/2018/TT-NHNN). Hoàn thành các tiêu chuẩn về quản trị rủi ro theo Basel III.

### **3. Hoạt động kiểm toán nội bộ:**

- BKS chỉ đạo và sử dụng bộ máy Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm toán

theo kế hoạch kiểm toán hàng năm được lập và báo cáo cho HĐQT và NHNN.

- Trong năm 2022, Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kế hoạch kiểm toán năm và các cuộc kiểm toán đột xuất theo yêu cầu, bao gồm: kiểm toán hoạt động của 85 chi nhánh và phòng giao dịch; kiểm toán các hoạt động, các quy trình, đơn vị thuộc Hội sở có phát sinh rủi ro và có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động Ngân hàng, bao gồm 12 chuyên đề và các yêu cầu kiểm toán/ kiểm tra ngoài kế hoạch của các ủy ban thuộc HĐQT, BKS và Tổng giám đốc.
- Kết quả kiểm toán có các kiến nghị đề xuất nhằm khắc phục các sai sót, vi phạm; điều chỉnh, bổ sung quy định, quy trình nghiệp vụ; tăng cường hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ; kiến nghị về công tác giám sát của quản lý cấp cao; kiến nghị xử lý trách nhiệm cá nhân có sai phạm.
- Các kiến nghị kiểm toán được các bên có liên quan tổ chức thực hiện.

#### **4. Thẩm định Báo cáo tài chính:**

- BKS phân công các thành viên chuyên trách kiểm tra các số liệu kế toán để thực hiện rà soát và kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tài chính cả năm 2022 của Ngân hàng và hợp nhất với các công ty con.
- BKS đã thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Ngân hàng và các công ty con, thống nhất số liệu với Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông.

#### **5. Các công việc khác:**

- Giám sát chi phí điều hành được thực hiện thông qua kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ của Ngân hàng, kiểm tra kế hoạch chi phí được duyệt theo thẩm quyền.
- Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ thực hiện việc rà soát các quy chế, quy định do HĐQT, Ban điều hành ban hành để tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định NHNN.
- Trưởng BKS tham dự các hội nghị, các yêu cầu dự họp của NHNN, CQTTGSNH.
- Thực hiện cập nhật danh sách cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc.
- Theo dõi và giám sát việc thực hiện các kiến nghị của NHNN, CQTTGSNH, kiểm toán độc lập.
- Báo cáo liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng theo yêu cầu của các cơ quan pháp luật.
- Báo cáo theo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của NHNN, CQTTGSNH.

#### **6. Đánh giá kết quả hoạt động của BKS**

- BKS có 04 thành viên, trong đó 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách. Ban Kiểm soát đã thực hiện phân công phân nhiệm cho từng thành viên để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của BKS, quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS và thành viên BKS (theo Điều 45, 46 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 56 Điều lệ Ngân hàng.)

- Trong phạm vi phân công, các thành viên tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời thực hiện các quyết nghị trong từng phiên họp của BKS.
- Đánh giá hoạt động BKS trong năm 2022 và cả nhiệm kỳ (2018-2023) đã thực hiện được những yêu cầu về trách nhiệm và quyền hạn của BKS được quy định trong Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ Ngân hàng, đã góp phần thực hiện được các chỉ tiêu chủ yếu theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoạt động Ngân hàng an toàn và có hiệu quả.

## **II. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính:**

### **1. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con:**

#### **a. Nhận xét về báo cáo tài chính**

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo Quyết định số 1913/2005/QĐ-NHNN.
- Các báo cáo tài chính năm 2022 của Ngân hàng được lập đúng biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021).
- Báo cáo tài chính của Ngân hàng đã được Công ty TNHH KPMG (Việt Nam) thực hiện kiểm toán.
- Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính đến ngày 31/12/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022; phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho lĩnh vực ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

#### **b. Về tài sản và nguồn vốn**

(ĐVT: Triệu đồng)

| <b>TÀI SẢN</b>                                                | <b>SỐ TIỀN</b>   |
|---------------------------------------------------------------|------------------|
| Tiền mặt, vàng bạc, đá quý                                    | 8.460.892        |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                      | 13.657.531       |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác                             | 86.021.313       |
| <i>Trừ dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác</i>  | <i>(50.000)</i>  |
| Chứng khoán kinh doanh                                        | 1.320.941        |
| <i>Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i>           | <i>(189.614)</i> |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 100.072          |
| Cho vay khách hàng                                            | 413.706.244      |

|                                                            |                    |
|------------------------------------------------------------|--------------------|
| Trừ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng                     | (4.849.736)        |
| Chứng khoán đầu tư                                         | 75.534.794         |
| Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư                   | /                  |
| Góp vốn đầu tư dài hạn                                     | 303.387            |
| Trừ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn                       | (156.573)          |
| Tài sản cố định                                            | 3.981.376          |
| Bất động sản đầu tư                                        | 177.005            |
| Tài sản Có khác                                            | 9.857.553          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                                   | <b>607.875.185</b> |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 |                    |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước               | 505.876            |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                              | 67.840.840         |
| Tiền gửi của khách hàng                                    | 413.952.789        |
| Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | /                  |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro      | 60.188             |
| Phát hành giấy tờ có giá                                   | 44.304.367         |
| Các khoản nợ khác                                          | 22.772.462         |
| Vốn và các quỹ                                             | 43.266.255         |
| Trong đó: + Vốn điều lệ                                    | 33.774.351         |
| + Thặng dư vốn cổ phần                                     | 271.779            |
| + Cổ phiếu quỹ                                             | /                  |
| + Quỹ của Tổ chức tín dụng                                 | 9.220.125          |
| Lợi nhuận chưa phân phối                                   | 15.172.408         |
| <b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>             | <b>607.875.185</b> |

c. Về thu nhập và chi phí

(ĐVT: Triệu đồng)

|                     |                   |
|---------------------|-------------------|
| <b>THU NHẬP (I)</b> | <b>47.607.487</b> |
| Thu nhập từ lãi     | 40.698.834        |

|                                                  |                   |
|--------------------------------------------------|-------------------|
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ                    | 5.057.559         |
| Thu nhập từ hoạt động khác                       | 1.110.494         |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần                 | 59.456            |
| Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 1.048.369         |
| Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh       | (387.873)         |
| Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư     | 20.648            |
| <b>CHI PHÍ (2)</b>                               | <b>30.493.279</b> |
| Chi phí trả lãi                                  | 17.165.305        |
| Chi phí hoạt động dịch vụ                        | 1.531.315         |
| Chi phí hoạt động khác                           | 120.800           |
| Chi phí quản lý chung                            | 11.605.045        |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng                 | 70.814            |
| <b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (1) - (2)</b>       | <b>17.114.208</b> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (dự kiến)             | 3.426.015         |
| <b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ (dự kiến)</b>              | <b>13.688.193</b> |

**2. Đánh giá tình hình thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022:**

*a. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông*

(ĐVT: Tỷ đồng)

| Chỉ tiêu                      | Kế hoạch<br>(theo NQ ĐHĐCĐ)                    | Thực hiện | Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch (%) |
|-------------------------------|------------------------------------------------|-----------|-------------------------------|
| <b>Tổng tài sản</b>           | Tăng 11% so với 2021<br>(tương ứng 588.187 tỷ) | 607.875   | 103%                          |
| <b>Dư nợ</b>                  | Tăng 10% so với 2021<br>(tương ứng 398.299 tỷ) | 413.706   | 104%                          |
| <b>Tiền gửi từ khách hàng</b> | Tăng 11% so với 2021<br>(tương ứng 421.897 tỷ) | 413.953   | 98%                           |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>   | 15.018                                         | 17.114    | 114%                          |
| <b>Hệ số an toàn vốn</b>      | >9%                                            | 12,8%     | -                             |

- Tổng tài sản: 607.875 tỷ đồng, đạt 103% so với kế hoạch.
- Tiền gửi từ khách hàng: 413.953 tỷ đồng, đạt 98% so với kế hoạch, trong đó:
  - Tiền gửi cá nhân chiếm tỉ trọng lớn nhất (80,46%), tăng 28.419 tỷ đồng so với năm 2021.
  - Tiền gửi tổ chức chiếm tỉ trọng 19,54%, tăng 5.613 tỷ đồng so với năm 2021.
  - Tiền gửi bằng VND chiếm tỉ trọng 96,87%, tăng 32.383 tỷ đồng so với năm 2021.
  - Tiền gửi bằng ngoại tệ chiếm tỉ trọng 3,13%, tăng 1.649 tỷ đồng so với năm 2021.
- Tổng dư nợ tín dụng: 413.706 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch.
- Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 đến nhóm 5): 0,74% tổng dư nợ.
- Lợi nhuận trước thuế: 15.018 tỷ đồng, đạt 114% so với kế hoạch, tăng 5.116 tỷ đồng so với lợi nhuận năm 2021.

*b. Các nội dung khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông*

- Đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021.
- Đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

**III. Báo cáo kinh phí hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát:**

- Kinh phí hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát được thực hiện theo chi tiết sau:

+ Thù lao Ban Kiểm soát : 8.477 triệu đồng.

+ Chi phí về hành chánh, quản lý khác: 911 triệu đồng.

Mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong phạm vi thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua.

- Thù lao và chi phí hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát theo Tờ trình về mức thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông.

Kính trình đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**TRƯỞNG BAN**



**HUỲNH NGHĨA HIỆP**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

### Về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022

#### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2023,

## QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 28/02/2023 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH KPMG (Việt Nam) kiểm toán.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

**Đính kèm:**

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2022. *ph*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *luar*  
**CHỦ TỌA**



**Trần Hùng Huy**

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU**
**Mẫu B02/TCTD**
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

|                                                                        | Thuyết minh | Tại ngày                |                         |
|------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
|                                                                        |             | 31.12.2022<br>Triệu VND | 31.12.2021<br>Triệu VND |
| <b>A TÀI SẢN</b>                                                       |             |                         |                         |
| <b>I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>                                    | <b>4</b>    | <b>8.460.883</b>        | <b>7.509.867</b>        |
| <b>II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước</b>                              | <b>5</b>    | <b>13.657.531</b>       | <b>32.349.574</b>       |
| <b>III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>               | <b>6</b>    | <b>85.689.411</b>       | <b>48.912.941</b>       |
| 1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác                               | 6.1         | 81.311.460              | 42.255.995              |
| 2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác                                    | 6.1         | 4.427.951               | 6.656.946               |
| 3 Dự phòng rủi ro                                                      | 6.3         | (50.000)                | -                       |
| <b>IV Chứng khoán kinh doanh</b>                                       | <b>7</b>    | <b>644.059</b>          | <b>10.584.641</b>       |
| 1 Chứng khoán kinh doanh                                               | 7.1         | 644.059                 | 10.620.680              |
| 2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh                               | 7.4         | -                       | (36.039)                |
| <b>V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b> | <b>8</b>    | <b>100.072</b>          | <b>226.545</b>          |
| <b>VI Cho vay khách hàng</b>                                           | <b>9</b>    | <b>405.441.889</b>      | <b>350.188.909</b>      |
| 1 Cho vay khách hàng                                                   |             | 410.153.319             | 355.908.308             |
| 2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng                                   | 9.7         | (4.711.430)             | (5.719.399)             |
| <b>VIII Chứng khoán đầu tư</b>                                         | <b>10</b>   | <b>75.534.794</b>       | <b>59.474.604</b>       |
| 1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán                                   | 10.1        | 31.854.915              | 9.739.539               |
| 2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn                              | 10.1        | 43.679.879              | 49.743.071              |
| 3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư                                   | 10.4        | -                       | (8.006)                 |
| <b>IX Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>                                      | <b>11</b>   | <b>3.589.894</b>        | <b>3.676.925</b>        |
| 1 Đầu tư vào công ty con                                               | 11.2        | 3.505.000               | 3.505.000               |
| 4 Đầu tư dài hạn khác                                                  | 11.3        | 241.467                 | 299.317                 |
| 5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn                                     | 11.4        | (156.573)               | (127.392)               |
| <b>X Tài sản cố định</b>                                               |             | <b>3.904.151</b>        | <b>3.716.901</b>        |
| 1 Tài sản cố định hữu hình                                             | 12.1        | 2.784.691               | 2.645.798               |
| a Nguyên giá tài sản cố định                                           |             | 5.380.128               | 5.011.043               |
| b Hao mòn tài sản cố định                                              |             | (2.595.437)             | (2.365.245)             |
| 3 Tài sản cố định vô hình                                              | 12.2        | 1.119.460               | 1.071.103               |
| a Nguyên giá tài sản cố định                                           |             | 1.652.719               | 1.531.815               |
| b Hao mòn tài sản cố định                                              |             | (533.259)               | (460.712)               |
| <b>XII Tài sản Có khác</b>                                             |             | <b>9.937.263</b>        | <b>6.963.699</b>        |
| 1 Các khoản phải thu                                                   | 13.1        | 4.920.223               | 3.154.520               |
| 2 Các khoản lãi, phí phải thu                                          |             | 4.061.377               | 3.133.049               |
| 3 Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                          | 13.2        | 63.966                  | 44.370                  |
| 4 Tài sản Có khác                                                      | 13.3        | 1.062.633               | 803.758                 |
| 5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác           | 13.4        | (170.936)               | (171.998)               |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                                                    |             | <b>606.959.947</b>      | <b>523.604.606</b>      |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 85 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU**
**Mẫu B02/TCTD**
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**(tiếp theo)**

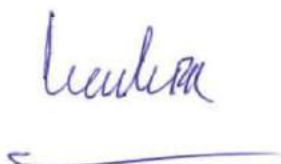
|                                           |                                                                          | Tại ngày                |                         |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                                           | Thuyết minh                                                              | 31.12.2022<br>Triệu VND | 31.12.2021<br>Triệu VND |
| <b>B</b>                                  | <b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                     |                         |                         |
| <b>I</b>                                  | <b>Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>                      | <b>14</b>               | <b>505.876</b>          |
| 1                                         | Tiền gửi và vay Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước                            |                         | 505.876                 |
| <b>II</b>                                 | <b>Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác</b>                         | <b>15</b>               | <b>67.318.830</b>       |
| 1                                         | Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác                                   |                         | 60.025.722              |
| 2                                         | Vay các tổ chức tín dụng khác                                            |                         | 7.293.108               |
| <b>III</b>                                | <b>Tiền gửi của khách hàng</b>                                           | <b>16</b>               | <b>415.754.187</b>      |
| <b>V</b>                                  | <b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro</b> | <b>17</b>               | <b>60.188</b>           |
| <b>VI</b>                                 | <b>Phát hành giấy tờ có giá</b>                                          | <b>18</b>               | <b>44.202.621</b>       |
| <b>VII</b>                                | <b>Các khoản nợ khác</b>                                                 |                         | <b>21.860.815</b>       |
| 1                                         | Các khoản lãi, phí phải trả                                              |                         | 5.546.515               |
| 3                                         | Các khoản phải trả và công nợ khác                                       | 19                      | 16.314.300              |
| <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>                   |                                                                          | <b>549.702.517</b>      | <b>479.835.685</b>      |
| <b>VIII</b>                               | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                                    | <b>20</b>               | <b>57.257.430</b>       |
| 1                                         | Vốn của tổ chức tín dụng                                                 |                         | 34.046.130              |
| a                                         | Vốn điều lệ                                                              |                         | 33.774.351              |
| c                                         | Thặng dư vốn cổ phần                                                     |                         | 271.779                 |
| 2                                         | Quỹ của tổ chức tín dụng                                                 |                         | 8.791.274               |
| 5                                         | Lợi nhuận chưa phân phối                                                 |                         | 14.420.026              |
| a                                         | Lợi nhuận năm nay                                                        |                         | 11.592.730              |
| b                                         | Lợi nhuận lũy kế năm trước                                               |                         | 2.827.296               |
| <b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                |                                                                          | <b>57.257.430</b>       | <b>43.768.921</b>       |
| <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> |                                                                          | <b>606.959.947</b>      | <b>523.604.606</b>      |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 85 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**  
(tiếp theo)

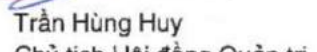
**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

|   | Thuyết minh                               | Tại ngày                |                         |
|---|-------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|   |                                           | 31.12.2022<br>Triệu VND | 31.12.2021<br>Triệu VND |
| 1 | Bảo lãnh vay vốn                          | 37.1                    | 55.386                  |
| 2 | Cam kết giao dịch hối đoái                | 37.1                    | 62.044.742              |
|   | <i>Cam kết mua ngoại tệ</i>               |                         | 946.516                 |
|   | <i>Cam kết bán ngoại tệ</i>               |                         | 1.178.698               |
|   | <i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>         |                         | 59.919.528              |
| 4 | Cam kết trong nghiệp vụ L/C               | 37.1                    | 2.777.938               |
| 5 | Bảo lãnh khác                             | 37.1                    | 9.579.729               |
| 6 | Các cam kết khác                          | 37.1                    | 6.490.910               |
| 7 | Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được | 38                      | 1.168.237               |
| 8 | Nợ khó đòi đã xử lý                       | 39                      | 6.646.701               |
| 9 | Tài sản và chứng từ khác                  | 40                      | 721.250                 |

  
Nguyễn Văn Hòa  
Kế toán trưởng

  
Từ Tiên Phát  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo Pháp luật



  
Trần Hùng Huy  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 28 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

|             |                                                                                       | Thuyết minh | Năm 2022<br>Triệu VND | Năm 2021<br>Triệu VND |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1           | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự                                           | 21          | 40.193.091            | 33.226.067            |
| 2           | Chi phí lãi và các chi phí tương tự                                                   | 22          | (17.086.337)          | (14.613.171)          |
| <b>I</b>    | <b>Thu nhập lãi thuần</b>                                                             |             | <b>23.106.754</b>     | <b>18.612.896</b>     |
| 3           | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ                                                         | 23          | 4.690.843             | 3.468.695             |
| 4           | Chi phí hoạt động dịch vụ                                                             | 24          | (1.433.136)           | (994.682)             |
| <b>II</b>   | <b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>                                                 |             | <b>3.257.707</b>      | <b>2.474.013</b>      |
| <b>III</b>  | <b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>                                    | <b>25</b>   | <b>1.047.204</b>      | <b>872.089</b>        |
| <b>IV</b>   | <b>(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>                               | <b>26</b>   | <b>(48.381)</b>       | <b>101.706</b>        |
| <b>V</b>    | <b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>                                        | <b>27</b>   | <b>20.470</b>         | <b>243.546</b>        |
| 5           | Thu nhập từ hoạt động khác                                                            |             | 1.023.362             | 427.428               |
| 6           | Chi phí hoạt động khác                                                                |             | (158.543)             | (216.284)             |
| <b>VI</b>   | <b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>                                                    | <b>28</b>   | <b>864.819</b>        | <b>211.144</b>        |
| <b>VII</b>  | <b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>                                               | <b>29</b>   | <b>108.442</b>        | <b>46.574</b>         |
| <b>VIII</b> | <b>Chi phí hoạt động</b>                                                              | <b>30</b>   | <b>(11.261.725)</b>   | <b>(7.887.931)</b>    |
| <b>IX</b>   | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b> |             | <b>17.095.290</b>     | <b>14.674.037</b>     |
| <b>X</b>    | <b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>                                               | <b>31</b>   | <b>(73.443)</b>       | <b>(3.320.001)</b>    |
| <b>XI</b>   | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>                                                      |             | <b>17.021.847</b>     | <b>11.354.036</b>     |
| 7           | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                          | 32.1        | (3.402.934)           | (2.251.404)           |
| 8           | Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                | 32.2        | 19.596                | (6.354)               |
| <b>XII</b>  | <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                             | <b>32</b>   | <b>(3.383.338)</b>    | <b>(2.257.758)</b>    |
| <b>XIII</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                                                             |             | <b>13.638.509</b>     | <b>9.096.278</b>      |



Nguyễn Văn Hòa  
Kế toán trưởng



Từ Tiến Phát  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo Pháp luật





Trần Hùng Huy  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 85 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

|                                                                                                           | Thuyết minh                                                                                    | Năm 2022<br>Triệu VND | Năm 2021<br>Triệu VND |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                                            |                                                                                                |                       |                       |
| 01                                                                                                        | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được                                          | 39.264.763            | 33.700.712            |
| 02                                                                                                        | Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả                                                     | (16.056.860)          | (15.093.150)          |
| 03                                                                                                        | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được                                                        | 3.257.707             | 2.474.013             |
| 04                                                                                                        | Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán) | 975.249               | 924.935               |
| 05                                                                                                        | Thu nhập/(chi phí) khác                                                                        | 74.436                | (7.440)               |
| 06                                                                                                        | Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro                              | 786.804               | 215.974               |
| 07                                                                                                        | Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý                                                | (10.495.913)          | (8.258.474)           |
| 08                                                                                                        | Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm                                             | (1.483.088)           | (2.162.652)           |
|                                                                                                           |                                                                                                | <b>16.323.098</b>     | <b>11.793.918</b>     |
| <b>LƯU CHUYỀN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG</b> |                                                                                                |                       |                       |
| <b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>                                                                |                                                                                                |                       |                       |
| 09                                                                                                        | Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác                                   | 2.228.995             | 2.436.017             |
| 10                                                                                                        | Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán                                                       | (6.476.409)           | (73.296)              |
| 11                                                                                                        | Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác                      | 126.473               | (172.072)             |
| 12                                                                                                        | Tăng các khoản cho vay khách hàng                                                              | (54.245.011)          | (48.290.784)          |
| 13                                                                                                        | Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản                                               | (1.031.413)           | (421.373)             |
| 14                                                                                                        | (Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động                                                          | (1.933.248)           | 663.709               |
| <b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>                                                                |                                                                                                |                       |                       |
| 15                                                                                                        | Tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước                                              | 505.876               | -                     |
| 16                                                                                                        | Tăng các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác                                       | 14.931.430            | 29.857.181            |
| 17                                                                                                        | Tăng tiền gửi của khách hàng                                                                   | 35.353.149            | 27.078.345            |
| 18                                                                                                        | Tăng phát hành giấy tờ có giá                                                                  | 14.107.650            | 11.277.800            |
| 19                                                                                                        | Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro                      | (25.878)              | (30.639)              |
| 21                                                                                                        | Tăng khác về công nợ hoạt động                                                                 | 1.575.467             | 7.524.365             |
| 22                                                                                                        | Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng                                                            | (201.463)             | (1.482)               |
| <b>1</b>                                                                                                  | <b>LƯU CHUYỀN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                           | <b>21.238.716</b>     | <b>41.641.689</b>     |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
(tiếp theo)

|                                               | Thuyết minh                                                                                                     | Năm 2022<br>Triệu VND | Năm 2021<br>Triệu VND |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>    |                                                                                                                 |                       |                       |
| 01                                            | Mua sắm tài sản cố định                                                                                         | (461.955)             | (624.682)             |
| 02                                            | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                                                                | 3.603                 | 3.124                 |
| 07                                            | Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác                                                                    | -                     | (1.700.000)           |
| 08                                            | Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác                                                                    | 57.851                | 150.000               |
| 09                                            | Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn                                     | 75.377                | 41.807                |
|                                               |                                                                                                                 | <u>(325.124)</u>      | <u>(2.129.751)</u>    |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |                                                                                                                 |                       |                       |
| 03                                            | Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác | -                     | (2.884.000)           |
|                                               |                                                                                                                 | <u>-</u>              | <u>(2.884.000)</u>    |
| <b>III</b>                                    | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                                             | <b>-</b>              | <b>(2.884.000)</b>    |
| <b>IV</b>                                     | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>                                                                          | <b>20.913.592</b>     | <b>36.627.938</b>     |
| <b>V</b>                                      | <b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM</b>                                                 | <b>82.516.282</b>     | <b>45.888.344</b>     |
| <b>VII</b>                                    | <b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM</b>                                                | <b>33 103.429.874</b> | <b>82.516.282</b>     |



Nguyễn Văn Hòa  
Kế toán trưởng



Từ Tiến Phát  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo Pháp luật





Trần Hùng Huy  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 28 tháng 2 năm 2023

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU**
**Mẫu B02/TCTD-HN**
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

|                                                                        | Thuyết minh | Tại ngày                |                         |
|------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
|                                                                        |             | 31.12.2022<br>Triệu VND | 31.12.2021<br>Triệu VND |
| <b>A TÀI SẢN</b>                                                       |             |                         |                         |
| <b>I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>                                    | <b>4</b>    | <b>8.460.892</b>        | <b>7.509.877</b>        |
| <b>II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước</b>                              | <b>5</b>    | <b>13.657.531</b>       | <b>32.349.574</b>       |
| <b>III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>               | <b>6</b>    | <b>85.971.313</b>       | <b>49.818.776</b>       |
| 1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác                               | 6.1         | 82.338.762              | 43.713.230              |
| 2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác                                    | 6.1         | 3.682.551               | 6.105.546               |
| 3 Dự phòng rủi ro                                                      | 6.3         | (50.000)                | -                       |
| <b>IV Chứng khoán kinh doanh</b>                                       | <b>7</b>    | <b>1.131.327</b>        | <b>11.259.731</b>       |
| 1 Chứng khoán kinh doanh                                               |             | 1.320.941               | 11.325.371              |
| 2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh                               | 7.4         | (189.614)               | (65.640)                |
| <b>V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b> | <b>8</b>    | <b>100.072</b>          | <b>226.545</b>          |
| <b>VI Cho vay khách hàng</b>                                           | <b>9</b>    | <b>408.856.508</b>      | <b>356.050.950</b>      |
| 1 Cho vay khách hàng                                                   |             | 413.706.244             | 361.912.538             |
| 2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng                                   | 9.7         | (4.849.736)             | (5.861.588)             |
| <b>VIII Chứng khoán đầu tư</b>                                         | <b>10</b>   | <b>75.534.794</b>       | <b>59.474.604</b>       |
| 1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán                                   | 10.1        | 31.854.915              | 9.739.539               |
| 2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn                              | 10.1        | 43.679.879              | 49.743.071              |
| 3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư                                   | 10.4        | -                       | (8.006)                 |
| <b>IX Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>                                      | <b>11</b>   | <b>146.814</b>          | <b>171.925</b>          |
| 4 Đầu tư dài hạn khác                                                  | 11.2        | 303.387                 | 299.317                 |
| 5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn                                     | 11.3        | (156.573)               | (127.392)               |
| <b>X Tài sản cố định</b>                                               | <b>12</b>   | <b>3.981.376</b>        | <b>3.762.548</b>        |
| 1 Tài sản cố định hữu hình                                             | 12.1        | 2.849.732               | 2.685.070               |
| a Nguyên giá tài sản cố định                                           |             | 5.523.787               | 5.123.414               |
| b Hao mòn tài sản cố định                                              |             | (2.674.055)             | (2.438.344)             |
| 3 Tài sản cố định vô hình                                              | 12.2        | 1.131.644               | 1.077.478               |
| a Nguyên giá tài sản cố định                                           |             | 1.709.488               | 1.579.813               |
| b Hao mòn tài sản cố định                                              |             | (577.844)               | (502.335)               |
| <b>XI Bất động sản đầu tư</b>                                          | <b>13</b>   | <b>177.005</b>          | <b>216.027</b>          |
| a Nguyên giá bất động sản đầu tư                                       |             | 177.005                 | 216.027                 |
| b Hao mòn bất động sản đầu tư                                          |             | -                       | -                       |
| <b>XII Tài sản Có khác</b>                                             |             | <b>9.857.553</b>        | <b>6.929.387</b>        |
| 1 Các khoản phải thu                                                   | 14.1        | 4.756.992               | 3.023.499               |
| 2 Các khoản lãi, phí phải thu                                          |             | 4.089.550               | 3.171.877               |
| 3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                          | 14.2        | 63.966                  | 44.370                  |
| 4 Tài sản Có khác                                                      | 14.3        | 1.143.212               | 869.602                 |
| 5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác           | 14.4        | (196.167)               | (179.961)               |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                                                    |             | <b>607.875.185</b>      | <b>527.769.944</b>      |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 96 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU**
**Mẫu B02/TCTD-HN**
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**(tiếp theo)**

|                                           |                                                                          | Thuyết minh | Tại ngày                |                         |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
|                                           |                                                                          |             | 31.12.2022<br>Triệu VND | 31.12.2021<br>Triệu VND |
| <b>B</b>                                  | <b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                     |             |                         |                         |
| <b>I</b>                                  | <b>Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>                      | <b>15</b>   | <b>505.876</b>          | <b>-</b>                |
| 1                                         | Tiền gửi và vay Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước                            |             | 505.876                 | -                       |
| <b>II</b>                                 | <b>Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác</b>                         | <b>16</b>   | <b>67.840.840</b>       | <b>54.393.939</b>       |
| 1                                         | Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác                                   |             | 60.002.732              | 41.380.571              |
| 2                                         | Vay các tổ chức tín dụng khác                                            |             | 7.838.108               | 13.013.368              |
| <b>III</b>                                | <b>Tiền gửi của khách hàng</b>                                           | <b>17</b>   | <b>413.952.789</b>      | <b>379.920.669</b>      |
| <b>V</b>                                  | <b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro</b> | <b>18</b>   | <b>60.188</b>           | <b>86.066</b>           |
| <b>VI</b>                                 | <b>Phát hành giấy tờ có giá</b>                                          | <b>19</b>   | <b>44.304.367</b>       | <b>30.547.883</b>       |
| <b>VII</b>                                | <b>Các khoản nợ khác</b>                                                 |             | <b>22.772.462</b>       | <b>17.920.478</b>       |
| 1                                         | Các khoản lãi, phí phải trả                                              |             | 5.564.271               | 4.637.581               |
| 3                                         | Các khoản phải trả và công nợ khác                                       | 20          | 17.208.191              | 13.282.897              |
| <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>                   |                                                                          |             | <b>549.436.522</b>      | <b>482.869.035</b>      |
| <b>VIII</b>                               | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                                    | <b>21</b>   | <b>58.438.663</b>       | <b>44.900.909</b>       |
| 1                                         | Vốn của tổ chức tín dụng                                                 |             | 34.046.130              | 27.291.260              |
| a                                         | Vốn điều lệ                                                              |             | 33.774.351              | 27.019.481              |
| c                                         | Thặng dư vốn cổ phần                                                     |             | 271.779                 | 271.779                 |
| 2                                         | Quỹ của tổ chức tín dụng                                                 |             | 9.220.125               | 7.164.297               |
| 5                                         | Lợi nhuận chưa phân phối                                                 |             | 15.172.408              | 10.445.352              |
| a                                         | Lợi nhuận năm nay                                                        |             | 11.632.365              | 8.180.532               |
| b                                         | Lợi nhuận lũy kế năm trước                                               |             | 3.540.043               | 2.264.820               |
| <b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                |                                                                          |             | <b>58.438.663</b>       | <b>44.900.909</b>       |
| <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> |                                                                          |             | <b>607.875.185</b>      | <b>527.769.944</b>      |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 96 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU**

Mẫu B02/TCTD-HN

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

|   |                                           | Thuyết minh | Tại ngày                |                         |
|---|-------------------------------------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
|   |                                           |             | 31.12.2022<br>Triệu VND | 31.12.2021<br>Triệu VND |
| 1 | Bảo lãnh vay vốn                          | 39.1        | 55.386                  | 62.456                  |
| 2 | Cam kết giao dịch hối đoái                | 39.1        | 62.044.742              | 77.700.895              |
|   | <i>Cam kết mua ngoại tệ</i>               |             | 946.516                 | 568.404                 |
|   | <i>Cam kết bán ngoại tệ</i>               |             | 1.178.698               | 579.774                 |
|   | <i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>         |             | 59.919.528              | 76.552.717              |
| 4 | Cam kết trong nghiệp vụ L/C               | 39.1        | 2.777.938               | 4.005.740               |
| 5 | Bảo lãnh khác                             | 39.1        | 9.579.729               | 8.389.456               |
| 6 | Các cam kết khác                          | 39.1        | 6.490.910               | 4.655.536               |
| 7 | Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được | 40          | 1.170.894               | 1.893.418               |
| 8 | Nợ khó đòi đã xử lý                       | 41          | 6.757.296               | 6.909.849               |
| 9 | Tài sản và chứng từ khác                  | 42          | 968.751                 | 804.375                 |



Nguyễn Văn Hòa  
Kế toán trưởng



Từ Tiến Phát  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo Pháp luật



Trần Hùng Huy  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 96 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

|             |                                                                                       | Thuyết minh | Năm 2022<br>Triệu VND | Năm 2021<br>Triệu VND |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1           | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự                                           | 22          | 40.698.834            | 33.713.810            |
| 2           | Chi phí lãi và các chi phí tương tự                                                   | 23          | (17.165.305)          | (14.769.018)          |
| <b>I</b>    | <b>Thu nhập lãi thuần</b>                                                             |             | <b>23.533.529</b>     | <b>18.944.792</b>     |
| 3           | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ                                                         | 24          | 5.057.559             | 4.026.460             |
| 4           | Chi phí hoạt động dịch vụ                                                             | 25          | (1.531.315)           | (1.132.497)           |
| <b>II</b>   | <b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>                                                 |             | <b>3.526.244</b>      | <b>2.893.963</b>      |
| <b>III</b>  | <b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>                                    | 26          | <b>1.048.369</b>      | <b>871.556</b>        |
| <b>IV</b>   | <b>(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>                               | 27          | <b>(387.873)</b>      | <b>449.960</b>        |
| <b>V</b>    | <b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>                                        | 28          | <b>20.648</b>         | <b>244.051</b>        |
| 5           | Thu nhập từ hoạt động khác                                                            |             | 1.110.494             | 703.159               |
| 6           | Chi phí hoạt động khác                                                                |             | (120.800)             | (563.696)             |
| <b>VI</b>   | <b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>                                                    | 29          | <b>989.694</b>        | <b>139.463</b>        |
| <b>VII</b>  | <b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>                                               | 30          | <b>59.456</b>         | <b>20.212</b>         |
| <b>VIII</b> | <b>Chi phí hoạt động</b>                                                              | 31          | <b>(11.605.045)</b>   | <b>(8.229.776)</b>    |
| <b>IX</b>   | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b> |             | <b>17.185.022</b>     | <b>15.334.221</b>     |
| <b>X</b>    | <b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>                                               | 32          | <b>(70.814)</b>       | <b>(3.336.109)</b>    |
| <b>XI</b>   | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>                                                      |             | <b>17.114.208</b>     | <b>11.998.112</b>     |
| 7           | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                          | 33.1        | (3.445.611)           | (2.389.079)           |
| 8           | Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                | 33.2        | 19.596                | (6.287)               |
| <b>XII</b>  | <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                             | 33          | <b>(3.426.015)</b>    | <b>(2.395.366)</b>    |
| <b>XIII</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                                                             |             | <b>13.688.193</b>     | <b>9.602.746</b>      |
| <b>XV</b>   | <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>                                        | 34          | <b>4.008</b>          | <b>2.799</b>          |

Nguyễn Văn Hòa  
Kế toán trưởng

Từ Tiến Phát  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo Pháp luật

Trần Hùng Huy  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 28 tháng 2 năm 2023



Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 96 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

|                                                                                                           | Thuyết minh                                                                                    | Năm 2022<br>Triệu VND | Năm 2021<br>Triệu VND |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                                            |                                                                                                |                       |                       |
| 01                                                                                                        | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được                                          | 39.781.160            | 34.180.140            |
| 02                                                                                                        | Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả                                                     | (16.232.032)          | (15.219.854)          |
| 03                                                                                                        | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được                                                        | 3.526.244             | 2.893.963             |
| 04                                                                                                        | Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán) | 797.113               | 1.184.916             |
| 05                                                                                                        | Thu nhập/(chi phí) khác                                                                        | 152.049               | (94.964)              |
| 06                                                                                                        | Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro                              | 786.804               | 215.974               |
| 07                                                                                                        | Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý                                                | (10.817.313)          | (8.551.243)           |
| 08                                                                                                        | Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm                                             | (1.580.115)           | (2.282.359)           |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG</b> |                                                                                                | <b>16.413.910</b>     | <b>12.326.573</b>     |
| <b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>                                                                |                                                                                                |                       |                       |
| 09                                                                                                        | Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác                                   | 2.848.001             | 1.756.384             |
| 10                                                                                                        | Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán                                                       | (6.448.600)           | (478.966)             |
| 11                                                                                                        | Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác                      | 126.473               | (172.072)             |
| 12                                                                                                        | Tăng các khoản cho vay khách hàng                                                              | (51.793.706)          | (50.433.549)          |
| 13                                                                                                        | Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản                                               | (1.032.666)           | (424.885)             |
| 14                                                                                                        | (Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động                                                          | (1.946.491)           | 620.404               |
| <b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>                                                                |                                                                                                |                       |                       |
| 15                                                                                                        | Tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước                                              | 505.876               | -                     |
| 16                                                                                                        | Tăng các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác                                       | 13.446.901            | 30.518.697            |
| 17                                                                                                        | Tăng tiền gửi của khách hàng                                                                   | 34.032.121            | 26.724.831            |
| 18                                                                                                        | Tăng phát hành giấy tờ có giá                                                                  | 13.749.900            | 11.356.952            |
| 19                                                                                                        | Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro                      | (25.878)              | (30.639)              |
| 21                                                                                                        | Tăng khác về công nợ hoạt động                                                                 | 1.600.161             | 8.163.652             |
| 22                                                                                                        | Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng                                                            | (201.463)             | (1.483)               |
| <b>I</b>                                                                                                  | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                           | <b>21.274.539</b>     | <b>39.925.899</b>     |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 96 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU**
**Mẫu B04/TCTD-HN**
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**  
**(tiếp theo)**

|                                                                      | Thuyết minh                                                                                                     | Năm 2022<br>Triệu VND     | Năm 2021<br>Triệu VND    |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                           |                                                                                                                 |                           |                          |
| 01                                                                   | Mua sắm tài sản cố định                                                                                         | (511.513)                 | (636.100)                |
| 02                                                                   | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                                                                | 4.741                     | 3.265                    |
| 05                                                                   | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư                                                            | 85.364                    | 148.453                  |
| 07                                                                   | Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác                                                                    | (10.520)                  | -                        |
| 08                                                                   | Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác                                                                    | 6.451                     | -                        |
| 09                                                                   | Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn                                     | 59.599                    | 21.979                   |
|                                                                      |                                                                                                                 | <u>(365.878)</u>          | <u>(462.403)</u>         |
| <b>II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                  |                                                                                                                 |                           |                          |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                        |                                                                                                                 |                           |                          |
| 03                                                                   | Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác | -                         | (2.884.000)              |
|                                                                      |                                                                                                                 | <u>-</u>                  | <u>(2.884.000)</u>       |
| <b>III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>              |                                                                                                                 |                           |                          |
|                                                                      |                                                                                                                 | <u>-</u>                  | <u>(2.884.000)</u>       |
| <b>IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>                            |                                                                                                                 |                           |                          |
|                                                                      |                                                                                                                 | <u>20.908.661</u>         | <u>36.579.496</u>        |
| <b>V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM</b>    |                                                                                                                 |                           |                          |
|                                                                      |                                                                                                                 | <u>82.601.567</u>         | <u>46.022.071</u>        |
| <b>VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM</b> |                                                                                                                 |                           |                          |
|                                                                      | <b>35</b>                                                                                                       | <u><u>103.510.228</u></u> | <u><u>82.601.567</u></u> |



Nguyễn Văn Hòa  
Kế toán trưởng



Từ Tiến Phát  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo Pháp luật



Trần Hùng Huy  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 96 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

Về việc phân phối lợi nhuận năm 2022, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2023

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình ngày 02/3/2023 về việc phân phối lợi nhuận năm 2022, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2023;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2023,

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

| STT | Nội dung                                                  | Số tiền (VND)      |
|-----|-----------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB tại ngày 31/12/2022 | 17.114.207.069.742 |
| 2   | Thuế thu nhập doanh nghiệp                                | 3.426.015.197.796  |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế (1-2)                                  | 13.688.191.871.946 |
| 3a  | Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)                        | 13.638.510.950.511 |
| 4   | Trích lập các quỹ, trong đó:                              | 2.205.827.907.894  |
| 4a  | Quỹ DTBSVĐL của ACB (3a x 5%)                             | 681.925.547.526    |
| 4b  | Quỹ dự phòng tài chính của ACB (3a x 10%)                 | 1.363.851.095.051  |
| 4c  | Quỹ của các công ty con                                   | 10.051.265.317     |
| 4d  | Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB                          | 150.000.000.000    |
| 5   | Lợi nhuận 2022 sau khi trích lập các quỹ (3-4)            | 11.482.363.964.052 |
| 6   | Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia                     | 3.540.043.838.343  |
| 7   | Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2022 (5+6)       | 15.022.407.802.395 |

|    |                                                        |                    |
|----|--------------------------------------------------------|--------------------|
| 8  | Vốn điều lệ ACB                                        | 33.774.350.940.000 |
| 9  | Số lượng cổ phiếu đã phát hành                         | 3.377.435.094      |
| 10 | Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2022            | 3.377.435.094      |
| 11 | Chia cổ tức năm 2022 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%) | 8.443.587.734.000  |
| 12 | Lợi nhuận còn lại (7-11)                               | 6.578.820.068.395  |

2. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2023:

| STT | Nội dung                                                   | Số tiền (VND)      |
|-----|------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | Lợi nhuận trước thuế của tập đoàn ACB 31/12/2023           | 20.058.000.000.000 |
| 2   | Thuế thu nhập doanh nghiệp                                 | 4.011.600.000.000  |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế (1-2)                                   | 16.046.400.000.000 |
| 3a  | Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)                         | 15.503.200.000.000 |
| 4   | Trích lập các quỹ, trong đó:                               | 2.606.960.000.000  |
|     | Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB                           | 200.000.000.000    |
| 5   | Lợi nhuận 2023 sau khi trích lập các quỹ (3-4)             | 13.439.440.000.000 |
| 6   | Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia                      | 6.578.820.068.395  |
| 7   | Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2023 (5+6)        | 20.018.260.068.395 |
| 8   | Vốn điều lệ ACB                                            | 33.774.350.940.000 |
| 9   | Số lượng cổ phiếu đã phát hành                             | 3.377.435.094      |
| 10  | Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức 2022 (15%) | 506.615.264        |
| 11  | Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2023 (9+10)         | 3.884.050.358      |
| 12  | Chia cổ tức năm 2023 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%)     | 9.710.125.898.000  |
| 13  | Lợi nhuận còn lại (7-12)                                   | 10.308.134.170.395 |

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức năm 2023 và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2022 bằng cổ phần phổ thông;  
phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, và Thông tư số 06/2022/TT-NHNN ngày 30/6/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2023,

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ từ cổ tức năm 2022 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

1. Tăng mức vốn điều lệ từ 33.774.350.940.000 đồng lên 38.840.503.580.000 đồng (tăng thêm 5.066.152.640.000 đồng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. Phát hành cổ phiếu, chi tiết như sau:

2.1 Mục đích phát hành:

Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ là để nâng cao năng lực kinh doanh và đáp ứng yêu cầu về chuẩn mực vốn.

2.2 Phương án phát hành:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Mức vốn điều lệ hiện tại: 33.774.350.940.000 đồng.

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 15%. Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu mới.
- Số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến phát hành: 506.615.264 cổ phiếu.
- Tổng giá trị tối đa cổ phần phát hành tính theo mệnh giá: 5.066.152.640.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi cổ tức đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi biểu quyết đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Số lượng cổ phiếu quỹ đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ là lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia (theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH KPMG (Việt Nam) tại thời điểm 31/12/2022): 15.022.407.802.395 đồng. Trong đó, số tiền để sử dụng chia cổ tức bằng cổ phiếu: 5.066.152.640.000 đồng.
- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.
- Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.
- Tổng số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành: 3.884.050.358 cổ phiếu.
- Mức vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 38.840.503.580.000 đồng.
- Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ: Quý 3 năm 2023.
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2022.
- Phương thức phát hành: Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Việc phân bổ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.
- Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so

với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm Tờ trình.)

- Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm Tờ trình.)

3. Đăng ký lưu ký bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
4. Niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Thông qua việc thay đổi mức vốn điều lệ ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu từ 33.774.350.940.000 đồng lên 38.840.503.580.000 đồng.

**Điều 3.** Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến việc tăng mức vốn điều lệ:

- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và giải trình (nếu có);
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cho phù hợp;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành;
- Thực hiện các thủ tục để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;
- Các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.

**Điều 4.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

**Đính kèm:**

- Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2022 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG luân  
**CHỦ TỌA**



**Trần Hùng Huy**



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 13/4/2023

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

*Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2022 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm*

Căn cứ:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, và Thông tư số 06/2022/TT-NHNN ngày 30/6/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2022 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

**1. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU**

**1.1. Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ:**

Việc tăng vốn điều lệ là cần thiết đối với ACB vì các lý do sau:

- Thêm nguồn vốn trung, dài hạn cho các hoạt động cấp tín dụng, đầu tư trái phiếu chính phủ của Ngân hàng;
- Thêm nguồn vốn để đầu tư vào các dự án chiến lược, xây dựng văn phòng làm việc, cải tạo, sửa chữa, di dời trụ sở kênh phân phối;
- Nâng cao năng lực tài chính để ứng phó với biến động của thị trường.

**1.2. Kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án phát hành cổ phiếu**

Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2023 từ chia cổ tức bằng cổ phần phổ thông có nội dung cụ thể như sau:

a. Vốn điều lệ hiện tại:

33.774.350.940.000 đồng

Trong đó,

- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành: 3.377.435.094 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi cổ tức đến thời điểm hiện tại: Không có
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi biểu quyết đến thời điểm hiện tại: Không có
- Số lượng cổ phiếu quỹ đến thời điểm hiện tại: Không có
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được chia cổ tức năm 2022: 3.377.435.094 cổ phiếu

b. Nguồn: Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia (theo kết quả kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập KPMG tại thời điểm 31/12/2022):

15.022.407.802.395 đồng

Trong đó, số tiền để sử dụng chia cổ tức bằng cổ phiếu:

5.066.152.640.000 đồng

c. Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:

- Vốn điều lệ tối đa dự kiến tăng thêm: 5.066.152.640.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/1 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến phát hành thêm: 506.615.264 cổ phiếu

d. Tổng mức vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành:

- Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến sau khi phát hành: 3.884.050.358 cổ phiếu
- Vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 38.840.503.580.000 đồng

e. Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ:

Quý 3 năm 2023

f. Hình thức tăng vốn và phát hành: Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia.

g. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu.

h. Tỷ lệ thực hiện quyền: 15% (phụ thuộc vào sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu mới.

- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.

- Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.

- i. Phương thức thực hiện và phát hành: Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền. Sau khi hoàn thành các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ACB sẽ quyết định và thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông.
- j. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Việc phân bổ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.

*Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 95 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là  $(95 \times 0,15) = 14,25$  cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà cổ đông A được nhận là 14 cổ phiếu. Trong trường hợp này, số cổ phiếu lẻ 0,25 sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.*

1.3. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Xin xem Phụ lục 1.)

1.4. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Xin xem Phụ lục 2.)

## **2. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM.**

Sau khi thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án nêu trên, ACB sẽ thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu tương ứng tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

## **3. KIẾN NGHỊ.**

Để thuận tiện cho quá trình thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu nêu trên, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau đây:

- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và giải trình (nếu có);

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cho phù hợp;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành;
- Thực hiện các thủ tục để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;
- Các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.

Kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Hùng Huy**

**Đính kèm:**

- Phụ lục 1: Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; và Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn;
- Phụ lục 2: Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn.



PHỤ LỤC I

(Đính kèm Tờ trình ĐHCĐ ngày 02/3/2023 về phương án tăng vốn điều lệ)

I. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn

|                                                                |               |
|----------------------------------------------------------------|---------------|
| Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết thời điểm hiện tại:       | 3.377.435.094 |
| Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ thời điểm hiện tại: | 3.377.435.094 |
| Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết sau khi tăng vốn:         | 3.884.050.358 |
| Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ sau khi tăng vốn:   | 3.884.050.358 |

| Stt       | Tên cổ đông                       | Mã số doanh nghiệp | Địa chỉ trụ sở chính                                              | Người đại diện theo pháp luật |                           |          |         | Thời điểm hiện tại<br>(Tính đến ngày 31/01/2023) |                                                     |                                 | Sau khi tăng vốn  |                                                     |                                 |
|-----------|-----------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------|----------|---------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------|
|           |                                   |                    |                                                                   | Họ tên                        | Số thẻ CCCD/CMND/Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ phần sở hữu                                | Tỷ lệ sở hữu so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ |
| (1)       | (2)                               | (3)                | (4)                                                               | (5)                           | (6)                       | (7)      | (8)     | (9)                                              | (10)                                                | (11)                            | (12)              | (13)                                                | (14)                            |
| 1         | Dragon Financial Holdings Limited | 163266             | P.O Box 71, Craigmuir Chambers, Road Town, British Virgin Islands |                               |                           |          |         | 233.696.248                                      | 6,92%                                               | 6,92%                           | 268.750.685       | 6,92%                                               | 6,92%                           |
| Tổng cộng |                                   |                    |                                                                   |                               |                           |          |         | 233.696.248                                      | 6,92%                                               | 6,92%                           | 268.750.685       | 6,92%                                               | 6,92%                           |

II. Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:

Không có.

Ghi chú: Thông tin cổ đông và số cổ phần sở hữu trong Phụ lục này sẽ được cập nhật vào thời điểm trình cho cơ quan quản lý Nhà nước.

## NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

### PHỤ LỤC 2

**Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn**

*(Đính kèm Tờ trình ĐHCĐ ngày 02/3/2023 về phương án tăng vốn điều lệ)*

Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ thời điểm hiện tại: 3.377.435.094

Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 3.884.050.358

| Stt | Tên cổ đông nước ngoài            | Thời điểm hiện tại<br>(Tính đến ngày 31/01/2023) |                                    | Sau khi tăng vốn     |                                    |
|-----|-----------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|------------------------------------|
|     |                                   | Số cổ phần sở hữu                                | Tỷ lệ sở hữu so với<br>vốn điều lệ | Số cổ phần sở hữu    | Tỷ lệ sở hữu so với vốn<br>điều lệ |
| (1) | (2)                               | (3)                                              | (4)                                | (5)                  | (6)                                |
| 1   | Dragon Financial Holdings Limited | 233.696.248                                      | 6,92%                              | 268.750.685          | 6,92%                              |
| 2   | Sather Gate Investments Limited   | 168.614.945                                      | 4,99%                              | 193.907.187          | 4,99%                              |
| 3   | Whistler Investments Limited      | 168.614.945                                      | 4,99%                              | 193.907.187          | 4,99%                              |
| 4   | Các cổ đông nước ngoài khác       | 442.304.390                                      | 13,10%                             | 508.650.049          | 13,10%                             |
|     | <b>Tổng cộng</b>                  | <b>1.013.230.528</b>                             | <b>30,00%</b>                      | <b>1.165.215.107</b> | <b>30,00%</b>                      |

Ghi chú: Thông tin cổ đông và số cổ phần sở hữu trong Phụ lục này sẽ được cập nhật vào thời điểm trình cho cơ quan quản lý Nhà nước.

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU  
Số: 951 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

Về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát  
năm 2023

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2023,

### QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2023 là 0,6% (không phẩy sáu phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2023.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH. *ph*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *luân*  
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp  
và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 1542/QĐ-NHNN ngày 08/9/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2023,

## **QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Thông qua việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu như sau:

1. Bổ sung vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các nghiệp vụ sau đây:
  - Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
  - Ngân hàng giám sát (bao gồm hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán) sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.
2. Bổ sung vào Điều 13 “Các hoạt động khác” của Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu ngày 01/8/2022 như sau:
  - Khoản 12 “Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;”
  - Khoản 13 “Ngân hàng giám sát (bao gồm hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán).”

(Khoản 12 hiện tại “Các hoạt động khác theo quy định pháp luật” sẽ chuyển thành khoản 14.)

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH. *MB*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG** *luu*  
**CHỦ TỌA**



**Trần Hùng Huy**

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU  
Số: 953 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung nội dung về quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tại Điều lệ

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 phê duyệt “Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025”;
- Căn cứ Quyết định số 1382/QĐ-NHNN ngày 02/8/2022 ban hành Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng triển khai thực hiện Quyết định số 689/QĐ-TTg;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2023,

## QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua việc bổ sung vào Điều lệ một khoản mới tại Điều 45 “Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị” có nội dung như sau:
- Khoản 28: “Phê duyệt các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại Ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.”
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

